

MỤC LỤC

BÀI 1 : TỔNG ĐÀI NỘI BỘ	1
I. MÁY ĐIỆN THOẠI ÁN PHÍM TRONG TỔNG ĐÀI KX-TA308.	1
II. LẬP TRÌNH CHO TỔNG ĐÀI KX	5
III. QUẢN LÝ TỔNG ĐÀI BẰNG PHẦN MỀM bmPabX.	7
BÀI 2 : MÁY FAX	11
I. MÁY FAX KX-F80BX.	11
II. GỬI FAX TỪ MÁY TÍNH SỬ DỤNG WINDOWS XP	14
1. Cài đặt thành phần Fax	15
2. Cấu hình dịch vụ fax	16
3. Gửi Fax	20
4. Nhận fax tự động.	22
5. Nhận thủ công một fax	23
BÀI 3 : MÁY CHIẾU	24
I. NHỮNG PHÍM CHỨC NĂNG TRÊN MÁY.	24
II. CÁC CHỨC NĂNG TRONG MENU.	24
III. CÁC PHÍM ĐIỀU KHIỂN TRÊN BỘ ĐIỀU KHIỂN TỪ XA.	26
IV. CHÚ Ý KHI SỬ DỤNG MÁY .	26
V. CÀI ĐẶT PHẦN MỀM WIRELESS MÁY CHIẾU PANASONIC.	27
VI. CÀI ĐẶT WIRELESS SONY.	29
BÀI 4 : SỬ DỤNG MÁY PHOTOCOPY SHARP AR-M161/AR-M206	33
I. CHÚ Ý KHI SỬ DỤNG MÁY PHOTOCOPY KỸ THUẬT SỐ	33
II. ĐẶC ĐIỂM MÁY PHOTOCOPY AR- M161/M206	33
III. TÊN CÁC BỘ PHẬN VÀ CHỨC NĂNG.	34
V. BẢNG ĐIỀU KHIỂN	36
VI. KHỞI ĐỘNG MÁY VÀ CÁCH NẠP GIẤY.	38
VII. CHỨC NĂNG COPY.	39
VIII. CHỨC NĂNG IN.	43
IX. CHỨC NĂNG SCAN.	43
X. MỘT VÀI CHỨC NĂNG KHÔNG SỬ DỤNG ĐƯỢC KHI MÁY ĐANG Ở CHẾ ĐỘ COPY, IN, SCAN.	44

TỔNG ĐÀI NỘI BỘ

I. MÁY ĐIỆN THOẠI ÁN PHÍM TRONG TỔNG ĐÀI KX-TA308.

Thực hiện cuộc gọi nội bộ.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe âm hiệu mời quay số.
3. Dùng phím nhấn quay số nội bộ.
4. Khi kết thúc cuộc gọi gác máy hoặc nhấn phím Speaker.

Chú ý : Có thể thay đổi chế độ quay số bằng cách chuyển công tắc :

T (Tone) : quay số bằng chế độ DTMF.

P (Pulse) : quay số chế độ xung.

Gọi điện thoại và để lại lời nhắn.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe âm hiệu mời quay số.
3. Dùng phím nhấn quay số nội bộ
4. Nghe thông báo vắng nhà và để lại lời nhắn sau khi nghe tiếng beep.

Thực hiện cuộc gọi ra ngoài qua đường trung kế

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe âm hiệu mời quay số.
3. Ấn phím số 9 để chiếm trung kế, chờ âm hiệu mời quay số từ tổng đài bên ngoài
4. Ấn phím số điện thoại bên ngoài cần gọi.

Đường dây nóng (pickup Dial).

Chú ý: Để thực hiện các dịch vụ trên tổng đài nội bộ các máy lẻ phải thực hiện quay số bằng chế độ DTMF.

a. Mô tả dịch vụ

Nếu một Ext.114 cài đặt dịch vụ này đến Ext 116 thì sau khi nhắc máy Ext.114 không cần quay số trong vòng 3 giây thì tổng đài tự động quay số 116.

b. Lập trình số máy quay tự động

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Ấn các phím 742.
3. Quay số cần gọi theo đường dây nóng.
4. Ấn phím #, nghe âm hiệu xác định dịch vụ và âm hiệu mời quay số.
5. Gác tổ hợp hoặc ấn phím Speaker.

c. Lập trình cho phép.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Ấn các phím 741#
3. Gác tổ hợp hoặc ấn phím Speaker

d. Sử dụng.

Tại máy lập trình nhắc máy và chờ sau 4 giây tổng đài sẽ tự động quay số đã lập trình.

e. Hủy bỏ dịch vụ.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Ấn các phím 740#.
3. Gác tổ hợp hoặc ấn phím Speaker.

Quay số tắt riêng của từng thuê bao lưu trữ ở tổng đài.

a. Lập trình.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe âm hiệu mời quay số, ấn phím số 2*.
3. Ấn mã số quay tắt dạng một chữ số (0,9).
4. Ấn số máy cần lưu trữ.
5. Ấn phím #.
6. Gác tổ hợp.

b. Sử dụng

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe âm hiệu mời quay số, ấn phím # và mã số quay tắt đã lập trình.

Chống phá rối.

Máy lẻ có thể lập trình để không nhận cuộc gọi nội bộ hoặc từ các cuộc gọi bên ngoài .

a. Lập trình.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Ấn phím 714#
3. Gác tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.

Chú ý: Muốn lập trình chống phá rối trên máy nào thì thực hiện ngay trên máy đó.

b. Hủy bỏ.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Ấn các phím 710#.
3. Gác tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.

Tự động gọi lại khi bận

a. Cho cuộc gọi nội bộ

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Quay số thuê bao nội bộ đang bận, nghe âm âm hiệu báo bận.
3. Ấn các phím 06, nghe âm hiệu xác nhận dịch vụ.
4. Gác máy.
5. Khi có tín hiệu gọi lại thì nhắc máy (không cần quay số lại).
6. Nghe hồi âm chuông và đàm thoại.

b. Cho cuộc gọi ngoài trung kế.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Quay số trung kế (số 9), nghe âm hiệu báo bận.
3. Ấn phím 6, nghe âm hiệu xác nhận dịch vụ.
4. Gác máy.
5. Khi có tín hiệu gọi lại nhắc máy không cần gọi số trung kế.
6. Nghe âm hiệu mời quay số của tổng đài nội hạt, quay tiếp số máy bên ngoài.

Quay lại số vừa gọi.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe âm hiệu mời quay số.
3. Ấn phím # hai lần hay quay số 80.

Gọi điện thoại viên tại bàn điều khiển.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe âm hiệu mời quay số.
3. Ấn phím 0.

Rước cuộc gọi trực tiếp

a. Mô tả dịch vụ

Trong phòng làm việc có hai người lần lượt có số máy là 112 và 114.
Số máy 112 đang reo nhưng không có người nhắc máy.
Dùng máy 114 cướp cuộc gọi về.

b. Thao tác

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Ấn phím số 4 và quay số cần cướp về.
3. Chờ âm hiệu xác nhận dịch vụ và đàm thoại.

Cuộc gọi tay ba.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe âm hiệu mời quay số, quay số thuê bao thứ I.

3. Chờ đàm thoại, người bên kia giữ máy và chờ.
4. Ấn FLASH hay nhấp nhanh tiếp điểm động hộp.
5. Nghe hai tiếng beep xác nhận dịch vụ và âm hiệu mời quay số, quay số thứ 2.
6. Chờ đàm thoại, người bên kia giữ máy và chờ.
7. Ấn phím FLASH hay nhấp nhanh tiếp điểm động hộp và ấn phím số 3.

Chuyển cuộc gọi tạm thời

Khi đang đàm thoại với một số máy bên ngoài hoặc bên trong tổng đài nội bộ có thể chuyển cuộc gọi này cho một thuê bao khác trong cùng một tổng đài nội bộ.

a. Chuyển cuộc gọi có thông báo.

1. Khi đang đàm thoại ấn phím FLASH hay nhấp nhanh tiếp điểm động hộp.
2. Nghe âm hiệu xác nhận dịch vụ và âm hiệu mời quay số, quay số cần chuyển đến.
3. Chờ đàm thoại thông báo cho người sử dụng thuê bao cần chuyển đến chờ và gác tổ hợp.

b. Chuyển cuộc gọi không có thông báo.

1. Khi đang đàm thoại ấn phím FLASH hay nhấp nhanh tiếp điểm động hộp.
2. Nghe âm hiệu xác nhận dịch vụ và âm hiệu mời quay số, quay số cần chuyển đến.
3. Gác tổ hợp.

Trong vòng 30 giây mà thuê bao chuyển đến không nhắc máy thì cuộc gọi sẽ quay lại và chỉ việc nhắc máy.

Muốn thay đổi thuê bao cần chuyển đến khi chưa gác tổ hợp chỉ cần ấn phím FLASH hoặc nhấp nhanh tiếp điểm động hộp để tiềm lại cuộc gọi ban đầu và sau đó thực hiện chuyển cuộc gọi trở lại.

Chuyển cuộc gọi cố định

Đặc tính chuyển cuộc gọi cố định cho phép người sử dụng có thể chuyển cuộc gọi tự động cuộc gọi đến cho một thuê bao khác. Có hai kiểu chuyển cuộc gọi.

Chuyển cuộc gọi cố định không điều kiện: chuyển tất cả cuộc gọi đến.

Chuyển cuộc gọi cố định khi bận hoặc không trả lời: chỉ chuyển khi thuê bao đang bận hoặc không ai nhắc máy.

Chuyển cuộc gọi cố định không điều kiện.

a. Lập trình.

1. Nhấp tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe tín hiệu mời quay số.
3. Quay số 711.
4. Ấn số thuê bao cần chuyển đến.
5. Ấn phím #.
6. Gác tổ hợp và ấn phím Speaker.

b. Giải tỏa.

1. Nhấc tổ hợp hoặc ấn phím speaker.
2. Nghe tín hiệu mời quay số .
3. Quay số 710.
4. Ấn phím #.
5. Gác tổ hợp và ấn phím speaker.

Chuyển cuộc gọi cố định khi bị bận hoặc không trả lời.

a. Lập trình.

1. Nhấp tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe tín hiệu mời quya số.
3. Quay số 711.
4. Ấn số thuê bao cần chuyển đến.
5. Ấn phím #.
6. Gác tổ hợp và ấn phím Speaker.

b. Giải tỏa.

1. Nhấc tổ hợp hoặc ấn phím speaker.
2. Nghe tín hiệu mời quay số.
3. Quay số 710.
4. Ấn phím #.
5. Gác tổ hợp và ấn phím speaker.

II. LẬP TRÌNH CHO TỔNG ĐÀI KX - TA308 BẰNG KEYPHONE KX-T7030

Chỉnh lại đồng hồ cho tổng đài

1. Chuyển công tắc lập trình phí trước keyphone về vị trí program.
2. Ấn các phím *#, và nhập mật khẩu 1234.
3. Ấn số thứ tự chương trình chỉnh đồng hồ. hệ thống là 000
4. Ấn phím next (SP PHONE) rồi nhập vào 2 chữ số năm bằng bàn phím.
5. Ấn phím → (phím CONF) và nhấn nhiều lần phím SELECT (Phím AUTO ANSWER) cho đến khi màn hình xuất hiện đúng tháng hiện tại.
6. Ấn phím → và ấn hai chữ số ngày bằng bàn phím.
7. Ấn phím → (phím CONF) và nhấn nhiều lần phím SELECT (Phím AUTO ANSWER) cho đến khi màn hình xuất hiện đúng ngày hiện tại trong tuần.
8. Ấn phím → và ấn hai chữ số giờ bằng bàn phím.
9. Ấn phím → và ấn hai chữ số phút bằng bàn phím.
10. Ấn phím → (phím CONF) và nhấn nhiều lần phím SELECT (Phím AUTO ANSWER) cho đến khi màn hình xuất hiện AM hay PM.

11. Ấn phím STORE để lưu giá trị cài đặt vào bộ nhớ và ấn phím END (Phím HOLD) để kết thúc chương trình.

12. Chuyển công tắc lập trình của Keyphone về vị trí SET.

Chú ý : Sau khi ấn phím STORE có thể nghe các âm hiệu sau :

Âm hiệu xác nhận:

1 tiếng beep : giá trị cài đặt hợp lệ.

2 tiếng beep : giá trị cài đặt trước đó.

Âm hiệu cảnh báo : 3 tiếng beep là giá trị cài đặt không hợp lệ.

Chức năng vận hành	Chức năng lập trình
INTERCOM	SERECT
CONF	→
FWD/DND	←
TRANSFER	CLEAR
AUTO ANSWER	SELECT
REDIAL	PREV
HOLD	END
SP-PHONE	NEXT

Lập trình quay số tắt chung cho tổng đài.

a. Lập trình.

1. Chuyển công tắc lập trình phí trước keyphone về vị trí program.
2. Ấn các phím *#, và nhập mật khẩu 1234.
3. Ấn số thứ tự chương trình chỉnh đồng hồ hệ thống là 001.
4. Ấn phím NEXT (SO-PHONE).
5. Ấn mã quay số tắt dạng hai chữ số (00 đến 99).
6. Ấn số điện thoại lưu trữ tối đa là 32 chữ số.
7. Ấn phím STORE để lưu giá trị cài đặt vào bộ nhớ và ấn phím END (Phím HOLD) để kết thúc chương trình.
8. Chuyển công tắc lập trình của Keyphone về vị trí SET.

Chú ý : muốn chỉnh lại giá trị vừa nhập ấn phím CLEAR.

b. Sử dụng.

- nhắc tổ hợp hoặc ấn phím Speaker.
- Nghe âm hiệu mời quay số, ấn phím * và mã quay tắt dang hai chữ số, chờ đàm thoại.

Giới hạn thời gian gọi ra trung kế.

- Chuyển công tắc lập trình phí trước keyphone về vị trí program.
- Ấn các phím *#, và nhập mật khẩu 1234.
- Ấn số thứ tự chương trình chỉnh đồng hồ hệ thống là 613.
- Ấn phím NEXT, phím *.
- Dùng phím SELECT chọn Enable.
- Ấn phím STORE.
- Ấn phím END (phím HOLD) lưu lại chương trình.
- Ấn số 61 thứ tự chương trình cho phép giới hạn thời gian gọi ra trung kế 212.
- Ấn phím NEXT.
- Ấn thời gian giới hạn : từ 1 đến 32 phút.
- Ấn phím STORE để lưu giá trị cài đặt vào bộ nhớ và ấn phím END (Phím HOLD) để kết thúc chương trình.
- Chuyển công tắc lập trình của Keyphone về vị trí SET.

III. QUẢN LÝ TỔNG ĐÀI BẰNG PHẦN MỀM bmPabX.

1. Mô tả.

bmPabX là phần mềm ứng dụng, giao tiếp với tổng đài nội bộ, hỗ trợ quản lý các cuộc gọi vào ra qua tổng đài. Thông qua cáp nối giữa tổng đài và máy tính, phần mềm thu nhận dữ liệu các cuộc gọi, phân tích và lưu trữ vào cơ sở dữ liệu. Người quản lý có thể theo dõi các cuộc gọi, thống kê thời gian, tính cước phí và in các báo cáo thống kê cần thiết.

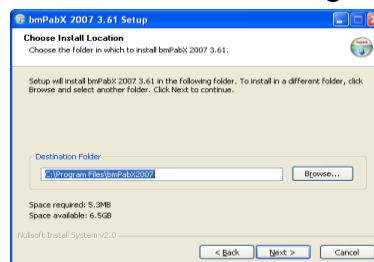
- Thông tin kết nối với tổng đài.
- Định dạng dữ liệu tổng đài.
- Danh bạ điện thoại, các số máy nội bộ.
- Danh mục người dùng, số account mở cuộc gọi.
- Bảng cước, bảng mã vùng – mã cước tương ứng.

2. Cài đặt phần mềm.

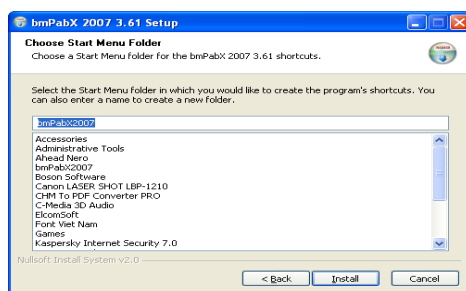
Click chuột vào chương trình cài đặt



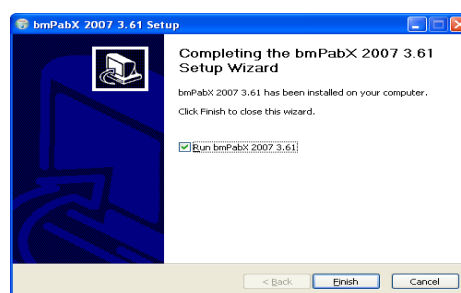
Chọn thư mục cài đặt chương trình



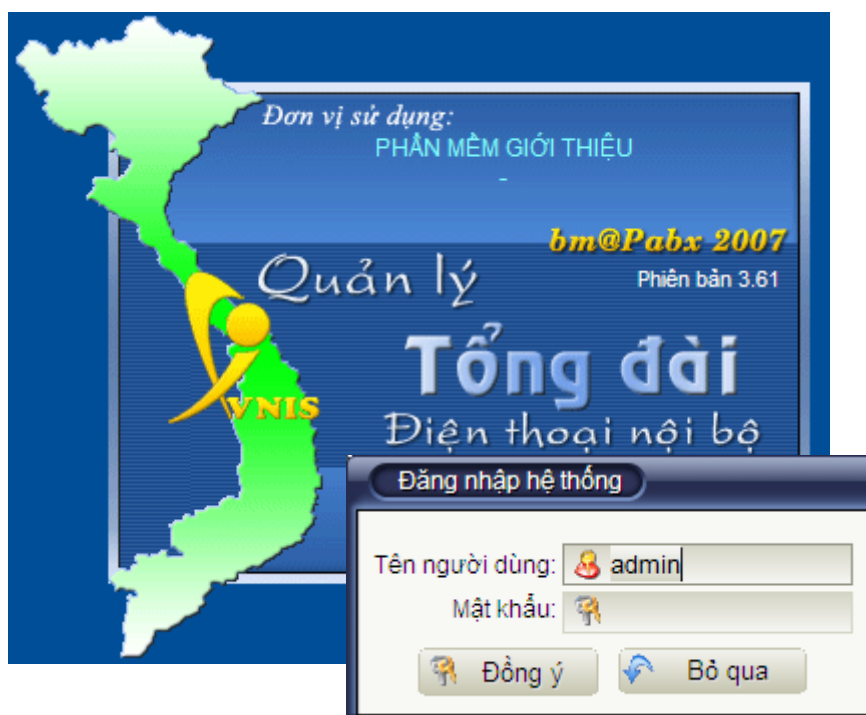
Chọn thư mục chứa biểu tượng chương trình



Kết thúc cài đặt

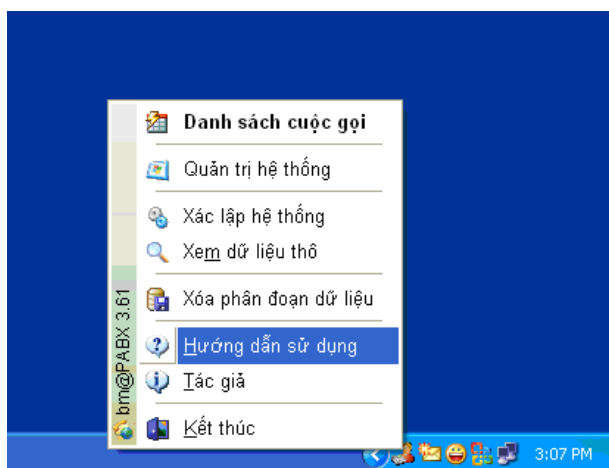


Giao diện chương trình cho việc đăng nhập giám sát : với User là admin, Password là trống

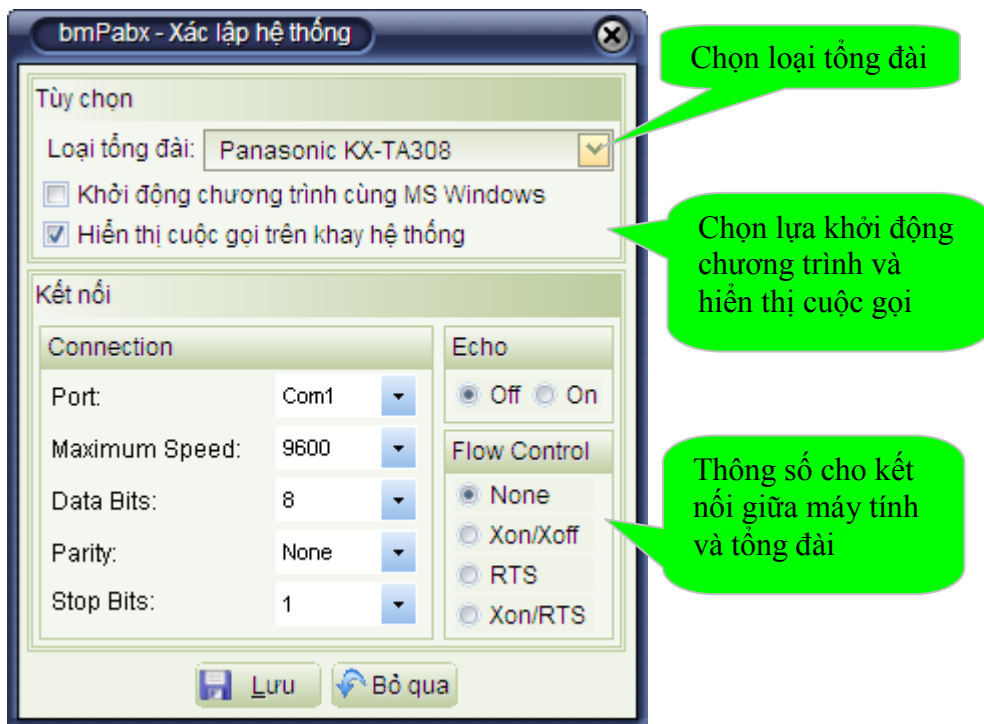


3. Hướng dẫn sử dụng

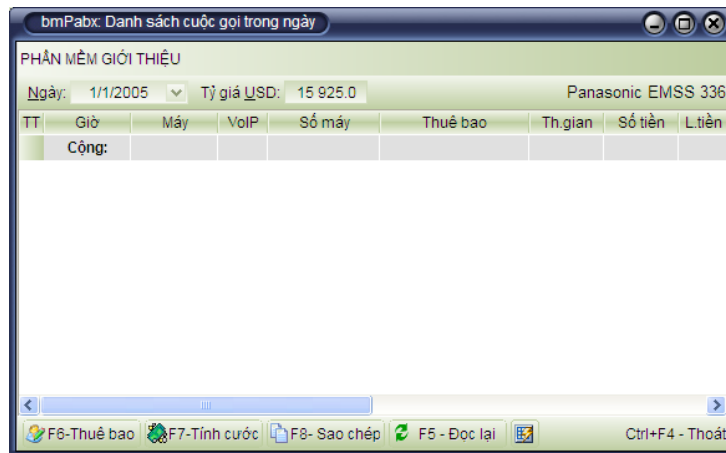
Click chuột phải vào biểu tượng chương trình ở thanh Taskbar



Cấu hình cho việc kết nối máy tính với tổng đài.

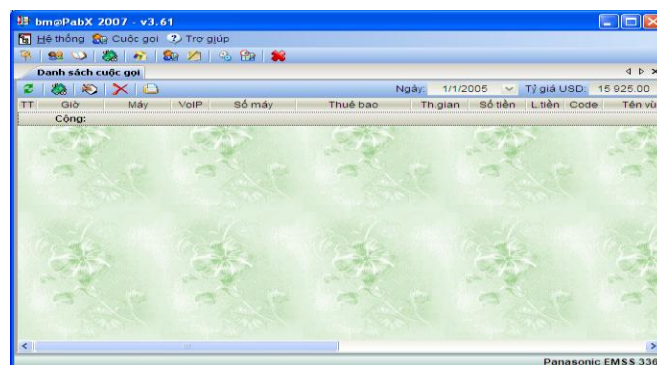


Kiểm tra danh sách cuộc gọi.



Quản trị hệ thống.

Danh sách cuộc gọi.



Danh sách người sử dụng

Danh bạ điện thoại

Bảng giá cước

TT	Kí hiệu	Tên gọi	Giấy/Block đầu	Giá bình thường	Giá tiết kiệm	Giấy/Block sau	Giá bình thường	Giá tiết kiệm	Loại tiền
1	11	Nội hat	180	1.091.000	1.091.000	60	364.000	364.000 VND	
2	12	1080 nội hat	60	1.364.000	1.364.000	60	1.364.000	1.364.000 VND	
3	13	1088 nội hat	60	1.364.000	1.364.000	60	1.364.000	1.364.000 VND	
4	14	1081 nội hat	60	1.120.000	1.120.000	60	1.120.000	1.120.000 VND	
5	15	Nhắn tin 141	60	455.000	455.000	60	455.000	455.000 VND	
6	16	19001570	60	545.000	545.000	60	545.000	545.000 VND	
7	17	VNN1260	60	40.000	40.000	60	40.000	40.000 VND	
8	18	VNN1268	60	80.000	80.000	60	80.000	80.000 VND	
9	19	VNN1269	60	168.000	168.000	60	168.000	168.000 VND	
10	1A	Nội hat - huyện	60	700.000	700.000	60	700.000	700.000 VND	
11	1B	Nội hat EVN	60	88.000	88.000	60	88.000	88.000 VND	
12	20	Liên tỉnh nội...	6	90.90	63.63	1	15.15	10.81 VND	
13	21	Liên tỉnh kh.á.	6	136.36	95.45	1	22.73	15.91 VND	
14	22	1080 liên tin...	60	1.818.000	1.818.000	60	1.818.000	1.818.000 VND	
15	23	1080 liên tin...	60	2.727.000	2.727.000	60	2.727.000	2.727.000 VND	
16	24	1081 liên tỉnh	60	2.727.000	2.727.000	60	2.727.000	2.727.000 VND	
17	25	VinaPhone...	6	129.54	90.68	1	21.59	15.11 VND	

Bảng mã vùng cho việc tính cước

TT	Kí hiệu	Tên vùng	Mã cước trực tiếp
1	116	Giải đáp điện thoại	11
2	117	Bảo giờ	11
3	1260	Internet1	17
4	1268	Internet2	18
5	1269	Internet3	19
6	141	Nhắn tin 141	15
7	18001090	Giải đáp di động	11
8	18001091	Giải đáp di động	11
9	190012	Giải trí với truyền hình	16
10	190015	Giải trí với truyền hình	16
11	190017	Giải trí với truyền hình	16
12	190054	Giải trí với truyền hình	16
13	190055	Giải trí với truyền hình	16
14	190056	Giải trí với truyền hình	16
15	20	ENV DD nội tỉnh	29
16	21	ENV DD nội tỉnh	29

Hệ thống giám sát máy con

Báo cáo thống kê cước

MÁY FAX

I. MÁY FAX KX-F80BX.

Chỉnh đồng hồ cho máy FAX.

1. Ấn phím **MENU** cho tới khi màn hình xuất hiện dòng chữ **SYSTEM SET UP**.
2. Ấn các phím # 0 1 màn hình xuất hiện **SET DATE & TIME**.
3. Ấn **STAR/COPY/SET**.
4. Nhập vào hai chữ số ngày, hai chữ số tháng, hai chữ số năm, hai chữ số giờ, hai chữ số phút và chọn * là **AM**, # là **PM**.
5. Ấn **STAR/COPY/SET**.
6. Ấn phím **MENU**.

Chú ý : khi nhầm lẫn ấn phím **STOP**.

Ghi âm thông báo vắng nhà.

1. Mở nắp điều khiển.
2. Ấn phím **SELECT** cho đến khi màn hình xuất hiện dòng chữ **ANS GREETING**.
3. Ấn phím **REC** sẽ nghe tiếng beep dài.
4. Nói lời thông báo vắng nhà.
5. Ấn phím **STOP**.

Nghe thông báo vắng nhà.

1. Mở nắp điều khiển.
2. Ấn phím **SELECT** cho đến khi màn hình xuất hiện dòng chữ **ANS GREETING**.
3. Nhấn phím **CHECK**.

Chuẩn bị cho máy trả lời điện thoại hoạt động.

Ấn phím Auto Receive đèn **FAX/MSG.SYS** sáng.

Cài tên công ty cho máy FAX.

1. ấn phím **MENU** màn hình xuất hiện dòng chữ **SYSTEM SET UP**.
2. Ấn các phím # 0 2 màn hình xuất hiện dòng chữ **YOUR LOGO**.
3. Ấn phím **START/COPY/SET**. Màn hình xuất hiện dòng chữ **LOGO =**.
4. Ấn phím **STOP** xóa tên cũ, cài tên mới của công ty không quá 30 ký tự và dùng các phím ω và ω để duy chuyển con trỏ.
5. Ấn phím **START/COPY/SET** lưu vào bộ nhớ.
6. Ấn phím **MENU** đưa màn hình về trạng thái chờ.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THIẾT BỊ VĂN PHÒNG

Chú ý : cài đặt các ký tự theo bảng sau :

Phím ấn	Số lần ấn												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1	[]	{	}	+	-	/	=	,	.	_	'
2	A	B	C	a	b	c	2						
3	D	E	F	d	e	f	3						
4	G	H	I	g	h	i	4						
5	J	K	L	j	k	l	5						
6	M	N	O	m	n	o	6						
7	P	Q	R	S	p	q	r	s	7				
8	T	U	V	t	u	v	8						
9	W	X	Y	Z	w	x	y	z	9				
0	0	()	<	>	!	“	#	\$	%	&	•	
One-Touch 1	:	;	?	•	*	@	^	'	®				
One-Touch 2	INSERT : chèn một ký tự vào khoảng trống												
One-Touch 3	SPACE : Thay thế một ký tự bằng một khoảng trống												
One-Touch 4	DELETE : Xóa một ký tự												
*	Di chuyển con trỏ sang phải												
#	Di chuyển con trỏ sang trái												

Cài số máy điện thoại cho máy FAX.

1. Ấn phím **MENU** cho tới khi màn hình xuất hiện dòng chữ **SYSTEM SET UP**.
2. Ấn các phím **# 0 3**, màn hình xuất hiện dòng chữ **YOUR TELL NO**.
3. Ấn phím **START/COPY/SET**, màn hình xuất hiện dòng chữ **NO =**.
4. Nhập vào số máy điện thoại tối đa 20 số.
5. Ấn **START/COPY/SET** ghi số vào bộ nhớ.
6. Ấn phím **MENU** đưa màn hình về trạng thái chờ.

Chú ý : khoảng trắng ấn #.

Nghe lời nhắn

1. Muốn nghe lời nhắn ấn phím **NEW MSG, PLAY BACK**.
2. Muốn nghe tất cả các lời nhắn ấn phím **NEW MSG, PLAY BACK** hơi lâu.
3. Muốn nghe lời nhắn quá 5 giây ấn phím **REPEAT**.
4. Muốn nghe lời nhắn nào đó ấn phím **REPEAT** cho đến lời nhắn muốn nghe
5. Muốn bỏ qua một ;ời nhắn để nghe lời nhắn kế tiếp ấn **SKIP**.
6. Không nghe lời nhắn nữa nhấn **STOP**.

Trong khi nghe lời nhắn thì màn hình xuất hiện ngày giờ và thứ tự lời nhắn và máy cũng phát ra thời gian lời nhắn bằng tiếng Anh.

Điều chỉnh Volume bằng phím **VOLUME**.

Điều chỉnh tốc độ bằng phím **QUICK/LOW**.

Xóa lời nhắn.

1. Muốn xóa một lời nhắn chỉ cần ấn phím **ERASE**.
2. Muốn xóa tất cả các lời nhắn thì sau khi nghe tất cả lời nhắn nhấn phím **ERASE** mà hình hiện ra **ICM ERERASE OK**. Không muốn xóa nữa ấn phím **STOP**. Sau khi chắc chắn xóa ấn phím **START/COPY/SET**. Màn hình xuất hiện **ERASE COMPLETE**.

Ghi âm thoại hai chiều

1. Khi đang nghe đàm thoại, mở nắp máy trả lời ấn phím **MOMO/2 WAY REC**, nghe tiếng beep.
2. Tiếp tục đàm thoại.
3. Không muốn ghi âm, ấn phím **STOP**, hay ấn phím **MEMO/2 WAY REC** lần nữa.

Lập trình sử dụng One-Touch.

a. Lập trình.

1. Ấn phím **MENU** cho tới khi màn hình xuất hiện **STORE TELL NO**.
2. Ấn một trong các phím One-Touch : One-Touch 1, One-Touch 2, One-Touch 3, One-Touch 4, One-Touch 5.
One-Touch 6 = One-Touch 1 + LOWER.
One-Touch 7 = One-Touch 2 + LOWER.
One-Touch 8 = One-Touch 3 + LOWER.
One-Touch 9 = One-Touch 4 + LOWER.
One-Touch 10 = One-Touch 5 + LOWER.
3. Nhập vào số máy điện thoại cần lưu trữ. Dấu – thực hiện bằng phím **LOWER**.
Chú ý : Số điện thoại tối đa là 30 số, dấu – bằng 2 ký tự.
4. Ấn phím **START**.
5. Nhập tên người nhận, tối đa là 10 ký tự.
6. Ấn phím **START/COPY/SET** lưu vào bộ nhớ.

7. Ấn phím MENU đưa màn hình về trạng thái chờ.

b. Sử dụng.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe âm hiệu mời quay số.
3. Ấn một trong các phím One-Touch cần quay.
One-Touch 6 = One-Touch 1 + LOWER.
One-Touch 7 = One-Touch 2 + LOWER.
One-Touch 8 = One-Touch 3 + LOWER.
One-Touch 9 = One-Touch 4 + LOWER.
One-Touch 10 = One-Touch 5 + LOWER.

Lập trình và sử dụng quay số tắt.

III. Lập trình

1. Ấn phím MENU cho tới khi màn hình xuất hiện dòng chữ STORE TEL NO.
2. Ấn phím # và hai chữ số cần lập trình.
3. Nhập số điện thoại cần lưu trữ, dấu – thực hiện bằng phím LOWER.
Chú ý : Số điện thoại tối đa là 30 số, dấu – bằng 2 ký tự.
4. Ấn phím START/COPY/SET màn hình xuất hiện dòng chữ NAME =.
5. Nhập tên tối đa 10 ký tự.
6. Ấn phím START/COPY/SET lưu vào bộ nhớ.
7. Ấn phím STOP đưa màn hình về trạng thái chờ.

IV. Sử dụng.

1. Nhắc tổ hợp hoặc nhấn phím Speaker.
2. Nghe âm hiệu mời quay số.
3. Ấn các phím DIRECTORY , phím # và hai chữ số mã lưu máy.

II. GỬI FAX TỪ MÁY TÍNH SỬ DỤNG WINDOWS XP

Có thể gửi và nhận các tài liệu fax bằng sử dụng một fax/modem của máy tính. Nếu tài liệu muốn fax bằng giấy, hãy scan nó trước tiên sau đó gửi hình ảnh đã được scan đó. Khi nhận được một fax, máy tính sẽ lưu nó với tư cách là một file ảnh mà có thể lưu và in ấn. Để chuẩn bị máy tính cho việc gửi và nhận các tài liệu fax, đầu tiên hãy kết nối modem máy tính của với đường dây điện thoại bằng một cáp điện thoại chuẩn. Sau đó chuẩn bị máy tính của .



1. Cài đặt thành phần Fax

1. Đăng nhập vào máy tính với tư cách là quản trị viên. Nếu không chắc chắn tài khoản của mình có phải là quản trị viên hay không, hãy thử cài đặt thành phần fax. Nếu tài khoản không có các đặc quyền quản trị viên máy tính sẽ nhận được một thông báo và cài đặt sẽ bị dừng. Nếu điều đó xảy ra, hãy yêu cầu ai đó thiết lập tài khoản để có thể thực hiện được việc cài đặt này.

2. Kích **Start**, sau đó kích **Control Panel**.



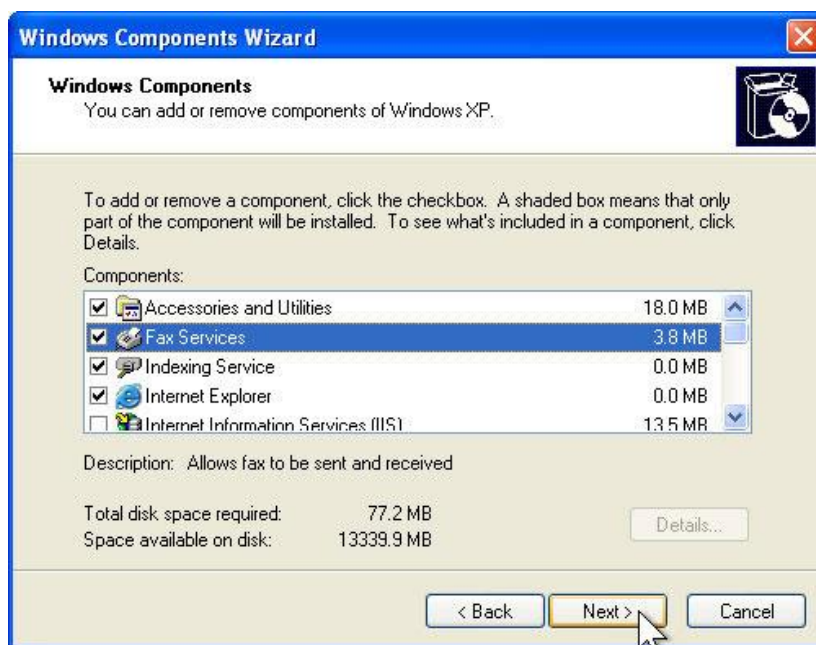
3. Trong Control Panel, kích **Add or Remove Programs**.



4. Kích Add/Remove Windows Components để bắt đầu **Windows Components Wizard**.



5. Trong các danh sách *Components*, tích vào hộp kiểm **Fax Services**, sau đó kích **Next**. Kích **Cancel** nếu hộp kiểm này đang được chọn và muốn bỏ cài đặt thành phần Fax.



6. Hệ thống sẽ cài đặt thành phần fax. Nếu bị nhắc nhở khi thực hiện cài đặt, hãy đưa đĩa Microsoft Windows XP CD vào, sau đó kích **OK**.

7. Kích **Finish** sau đó là **Close**. Chuyển sang phần tiếp theo để cấu hình dịch vụ fax.

2. Cấu hình dịch vụ fax

Để cấu hình dịch vụ fax trong Windows XP

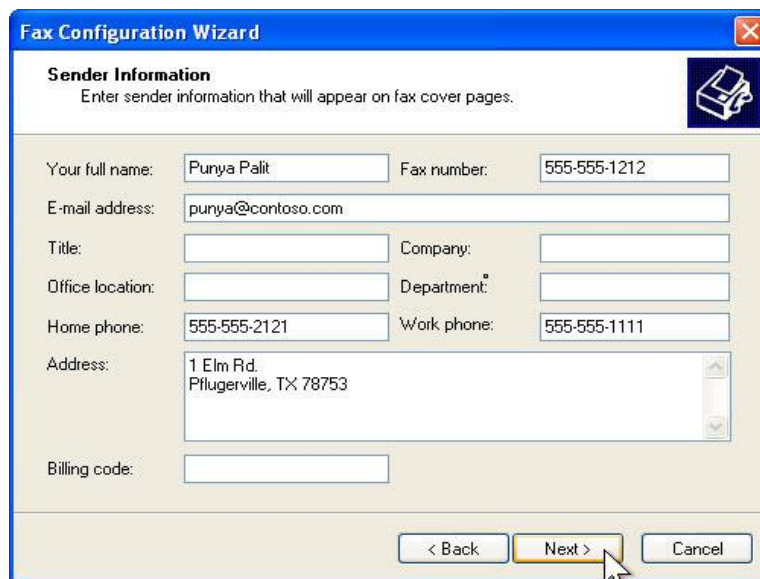
1. Vào **Start > All Programs > Accessories > Communications > Fax**, sau đó kích **Fax Console**.



2. Khi *Fax Configuration Wizard* xuất hiện, kích **Next**.



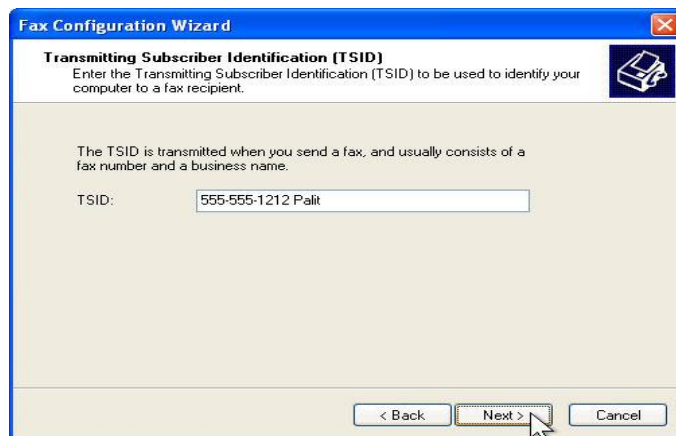
3. Trên cửa sổ *Sender Information*, đánh vào đó thông tin mà muốn xuất hiện trên trang lễ của fax. Không nhất thiết phải điền đầy đủ các ô trong đó. Kích **Next** để tiếp tục.



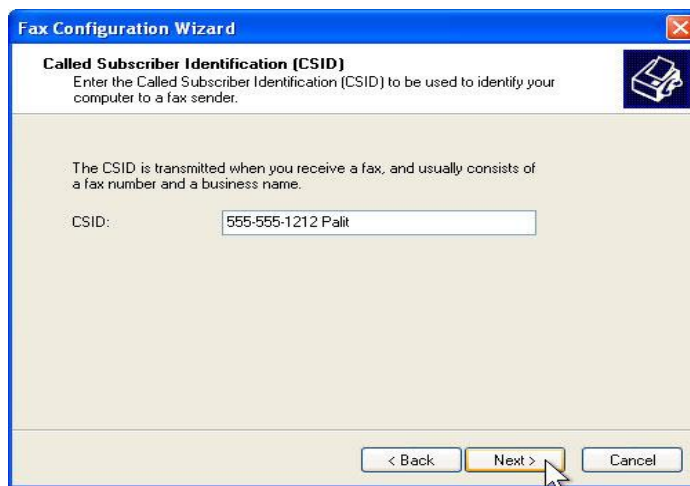
4. *Fax Configuration Wizard* sẽ hiển thị cửa sổ *Select Device for Sending or Receiving Faxes*. Nếu muốn có thể nhận fax gửi đến, hãy tích vào hộp kiểm **Enable Receive**. Nếu đường điện thoại kết nối đến máy tính chỉ để dùng cho fax, hãy kích **Automatically answer after**. Nếu muốn trả lời một cách thủ công các fax gửi đến, hãy kích **Manual answer**. Sau đó kích **Next** để tiếp tục.



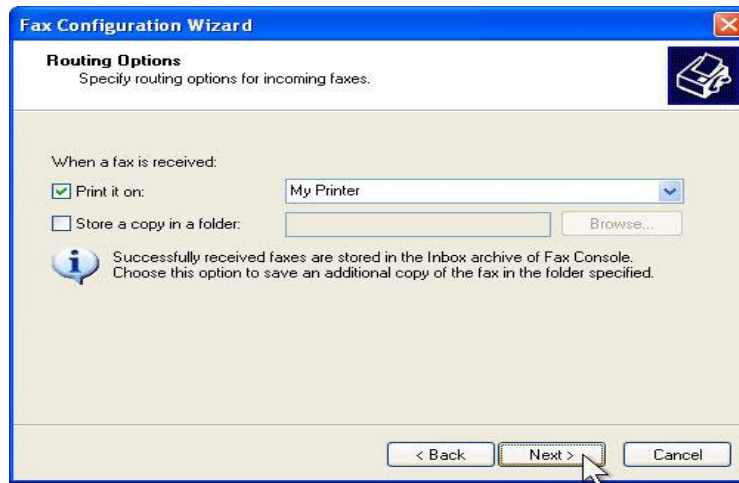
5. Trên cửa sổ *Transmitting Subscriber Identification (TSID)*, đánh vào đó thông tin mà muốn sử dụng trong hộp TSID. Điển hình, những thông tin này thường gồm có số fax và tên doanh nghiệp. Sau đó kích **Next**.



6. Trên cửa sổ *Called Subscriber Identification (CSID)*, đánh vào đó thông tin trong hộp CSID. CSID là thông tin sẽ hiển thị trên các số fax gửi đến. Số này sẽ giúp xác nhận rằng đang gửi fax đến đúng người nhận. CSID cũng giống như TSID. Kích **Next**.



7. Trên cửa sổ *Routing Options*, chọn xem có muốn in fax tự động không. Nếu không in một cách tự động các fax gửi đến, chúng sẽ được chứa trong Fax Console. Chọn vào hộp kiểm **Print it on** nếu muốn mỗi fax mà nhận được đều được in một cách tự động. Sau đó kích **Next**.



8. Trên cửa sổ *Completing the Fax Configuration Wizard*, kích **Finish**.



9. *Fax Configuration Wizard* sẽ được đóng và một thông báo *Windows Security Alert* sẽ xuất hiện, kích **Unblock**.



Máy tính hiện giờ đã sẵn sàng cho việc gửi (tùy chọn), nhận các fax. Có thể sử dụng *Fax Console* để duyệt các fax đến và fax đi, hoặc có thể thực hiện nhận một cách thủ công.

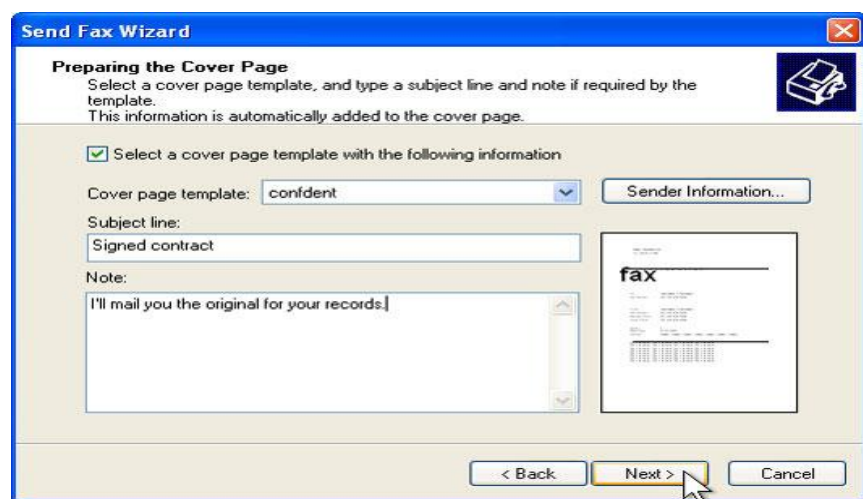
C. Gửi Fax

Để gửi đi một fax thực hiện như hướng dẫn dưới đây:

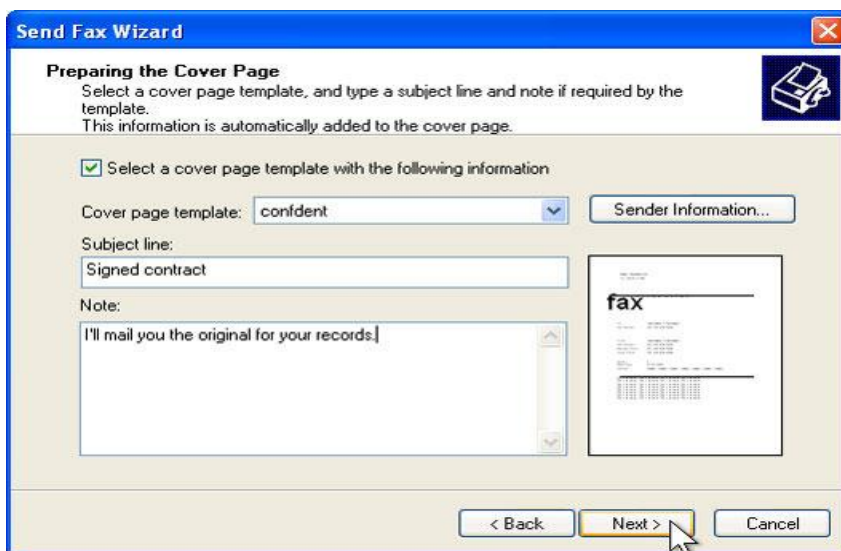
1. Mở tài liệu, Web page, hoặc thư điện tử mà muốn fax
2. Trên menu **File**, kích **Print**.
3. Trên hộp thoại *Print*, dưới phần *Select Printer*, kích **Fax**. Sau đó kích **Print**.
4. Trên cửa sổ *Welcome to the Send Fax Wizard* kích **Next**.



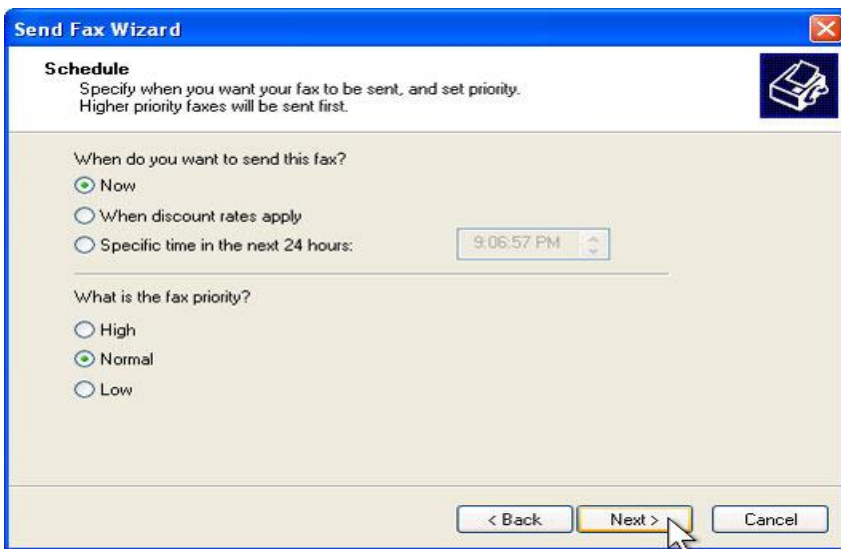
5. Trong cửa sổ *Recipient Information*, đánh vào tên người nhận trong hộp **To**. Đánh vào số fax của người nhận trong hộp **Fax number**. Nếu muốn gửi fax đến nhiều người, hãy đánh thông tin người nhận vào các hộp thích hợp và sau đó kích **Add**. Người nhận sẽ xuất hiện trong danh sách, các hộp được xóa sạch để có thể nhập vào đó thông tin bổ sung của người nhận. Khi đã kết thúc việc bổ sung thêm người nhận, kích **Next**.



6. Trong cửa sổ *Preparing the Cover Page* page, hãy tích vào hộp kiểm **Select a cover page template with the following information**. Kích mẫu muốn gửi trong danh sách *Cover page template*. Hoàn thành hộp *Subject line* và các tùy chọn, hộp *Note*. Sau đó kích **Next**.



7. Trong cửa sổ *Schedule* kích **Next**.



8. Trong cửa sổ *Completing the Send Fax Wizard*, kích **Finish**.



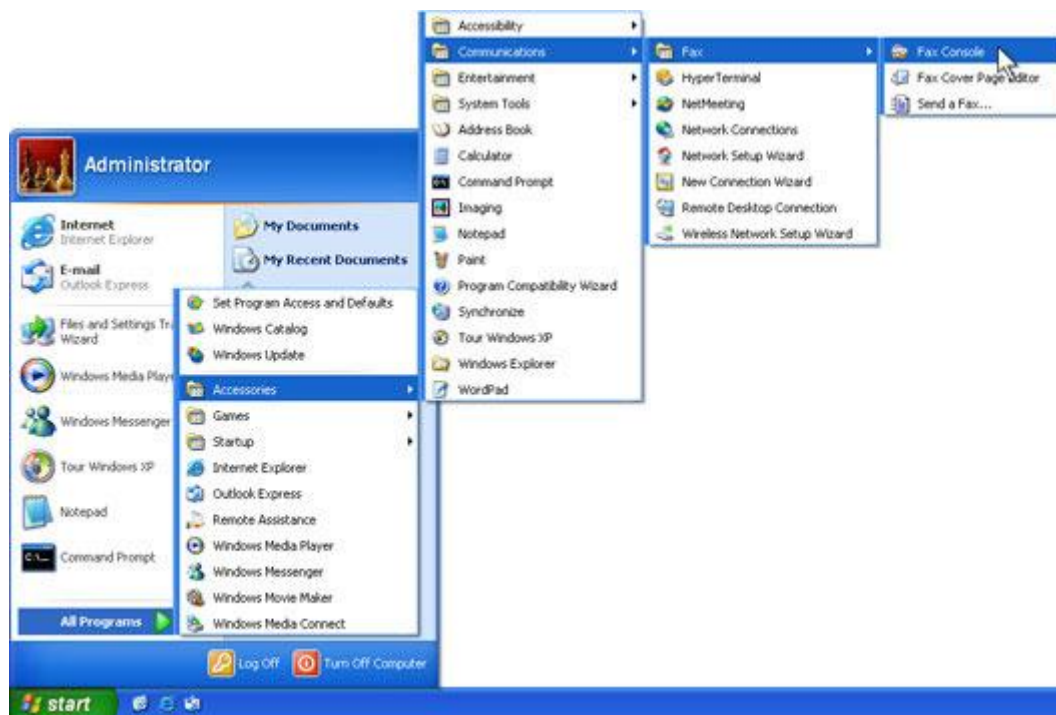
Máy tính lúc này sẽ tự động kết nối với máy fax từ xa và gửi fax kèm theo cả trang bìa. Nếu bản cần fax có trên giấy, đầu tiên hãy scan nó, sau đó fax ảnh đã được scan.

4. Nhận fax tự động

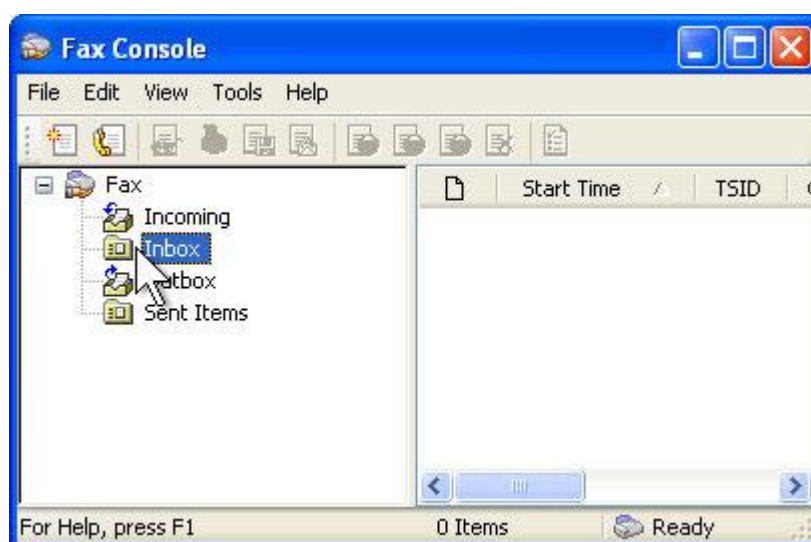
Nếu đã cấu hình dịch vụ fax ở chế độ tự động nhận, thì fax/modem sẽ trả lời đường fax và lưu fax đến trong Fax Console.

Để xem các fax đã nhận

1. Vào **Start > All Programs > Accessories > Communications > Fax**, sau đó kích **Fax Console**.



2. Trong *Fax Console*, kích **Inbox**. Các fax đã nhận được được hiển thị bên cửa sổ bên phải

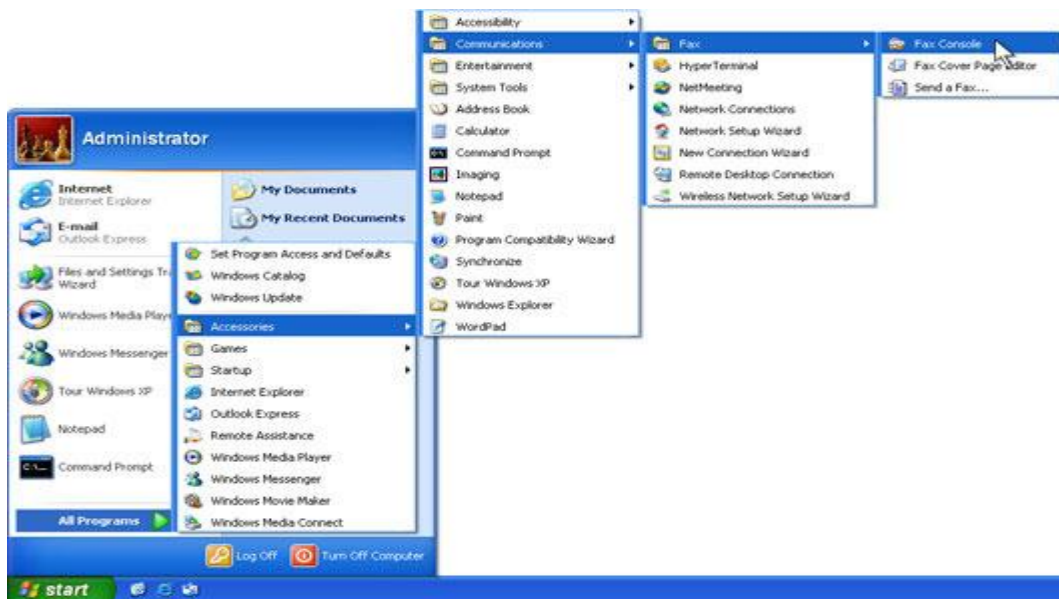


4. Nhận thủ công một fax

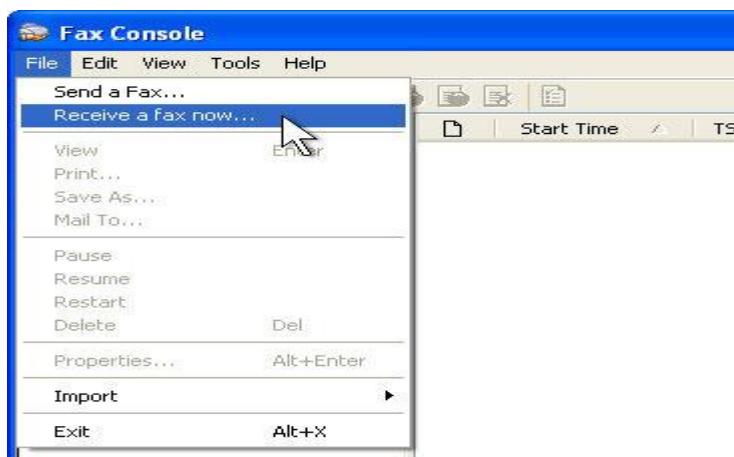
Nếu đã cấu hình dịch vụ Fax để nhận fax một cách thủ công thì fax/modem sẽ đợi cho tới khi bắt đầu tiến trình nhận fax. Fax nhận được sau đó được lưu vào Fax Console.

Để thực hiện công việc này

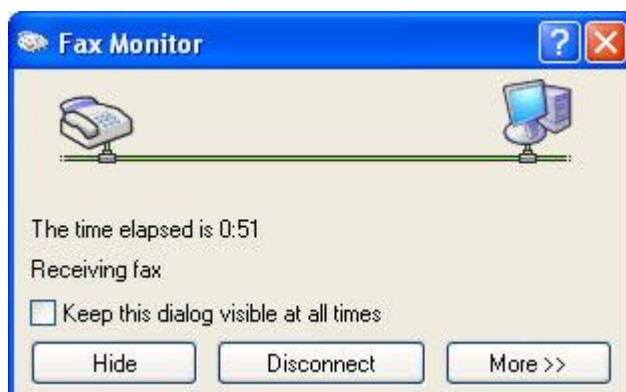
1. Vào **Start > All Programs > Accessories > Communications > Fax**, sau đó kích **Fax Console**.



2. Kích **File**, sau đó kích **Receive a fax now**.



Fax Monitor sẽ xuất hiện và đợi cho khi nào fax đến. Khi điện thoại đổ chuông, Fax Monitor sẽ tự động trả lời, kết nối với máy fax phía đằng xa và nhận fax. Sau khi đã nhận xong fax, có thể để Fax Monitor mở để có thể nhận tự động các fax tiếp theo, hoặc có thể đóng nó để thực hiện nhận fax thủ công.



MÁY CHIẾU

I. NHỮNG PHÍM CHỨC NĂNG TRÊN MÁY.

1. **POWER** : dùng để bật máy và tắt máy(chú ý : chỉ tắt nguồn tắt máy khi đèn chuyển từ tín hiệu xanh sang tín hiệu đỏ).Khi chưa bấm phím này thì đèn báo đỏ khi bấm đèn chuyển sang xanh.
2. **TILT**: chức năng của phím này là điều chỉnh góc độ cho máy với góc thích hợp khi chiếu.
3. **INPUT** : phím này dùng để chọn thiết bị đầu vào.Mỗi lần ấn là một lần chọn đầu vào
4. **FOCUS** : chức năng của phím này là điều chỉnh tiêu cự cho máy (điều chỉnh cho ảnh chiếu rõ nét trên màn).
5. **Zoom** : chức năng của phím này là điều chỉnh kích thước của khung ảnh khi chiếu lên màn (điều chỉnh cho khung ảnh to lên hay nhỏ đi sao cho phù hợp).
6. **ENTER** : dùng để thực hiện các chức năng trong menu.
7. ←,↑,→,↓ các phím di chuyển dùng để di chuyển và điều chỉnh trong menu.

II . CÁC CHỨC NĂNG TRONG MENU.

Bao gồm tất cả các chức năng dùng để hiệu chỉnh máy . Để hiện bảng Menu này ta bấm nút Menu trên máy . Bấm ENTER để chọn và hiệu chỉnh các chức năng đó.←,↑,→,↓ các phím di chuyển dùng để di chuyển và điều chỉnh trong menu.

1. PICTURE SETTING : Chức năng điều chỉnh hình ảnh, gồm có :

- ✚ **PICTURE MODE** : Chế độ hình ảnh (trong phòng thiếu ánh sáng dùng chế độ NATURE, điều kiện ánh sáng bình thường dùng STANDARD hình ảnh rực rỡ dùng DYNAMIC). Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng sang phải (→) và sang trái(←)
- ✚ **COLOR** : chức năng điều chỉnh màu sắc cho hình ảnh (chỉ sử dụng cho S VIDEO/VIDEO/YpbPr). Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng sang phải (→) và sang trái(←).
- ✚ **TINT** : chức năng này để hiệu chỉnh trạng thái màu sắc của hình ảnh (đỏ hơn hay xanh lá hơn). Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng phím sang phải (→) và sang trái(←).
- ✚ **CONTRAST**: điều chỉnh độ tương phản. Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng phím sang phải (→) và sang trái(←).
- ✚ **BRIGHT** : điều chỉnh độ sáng. Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng sang phải (→) và sang trái(←).
- ✚ **SHARPNESS** : điều chỉnh độ sắc nét. Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng sang phải (→) và sang trái(←).
- ✚ **COLOR TEMP** : thêm vùng trắng cho hình ảnh nếu bị hơi xanh hoặc hơi đỏ. Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng sang phải (→) và sang trái(←).
- ✚ **W-BAL R**: chỉnh màu đỏ. Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng sang phải (→) và sang trái(←).
- ✚ **W-BAL G**: chỉnh màu xanh lục. Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng sang phải (→) và sang trái(←).

- ✚ **W-BAL B**: chỉnh màu xanh dương. Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng sang phải (→) và sang trái(←).
- ✚ **DAYLIGHTVIEW**: điều chỉnh độ sinh động hình ảnh trong phòng có bật đèn (W-BAL có 2 chế độ là dưới ánh đèn huỳnh quang và dưới ánh đèn dây tóc).
- ✚ **AI**: để bật sẽ cho hình ảnh tối ưu.
- ✚ **TV-SYSTEM**: chọn hệ màu cho máy (để mặc định là auto)

2. SET SETTING.

- ✚ **AUTO INPUT SEARCH** : bật chức năng này máy chiếu sẽ tự tìm tín hiệu đầu vào để kết nối.
- ✚ **INPUT _A SIGNAL SEL** : chức năng này dùng để lựa chọn tín hiệu vào.
- ✚ **INPUT _C SELECT** : chức năng này dùng để lựa chọn kết nối vào là tín hiệu không dây hoặc thẻ nhớ.
- ✚ **COLOR SYSTEM** : chức năng này dùng để chọn màu hệ thống máy chiếu.
- ✚ **SPEAKER** : chức năng này dùng để điều chỉnh âm thanh cho máy.
- ✚ **IR RECEIVER** : chức năng này dùng để chọn chế độ chiếu (front : đặt máy chiếu trước màn ; rear : đặt máy chiếu sau màn).
- ✚ **PANAL KEY LOCK** : chức năng này dùng để cài đặt chế độ khóa.
- ✚ **STANDBY MORE** : chức năng này dùng để cài đặt chế độ chờ (để mặc định là STANDARD).

3. MENU SETTING.

- ✚ **STATUS** : chức năng này dùng để bật tắt tình trạng của menu(để mặc định là ON).
- ✚ **LANGGUAGE** : chức năng này dùng để cài đặt ngôn ngữ cho máy.
- ✚ **MENU POSITION** : chức năng này dùng để cài đặt vị trí cho menu khi hiện trên máy(ở giữa,bên phải,hay bên trái màn hình).
- ✚ **MENU COLOR** : chức năng này dùng để cài đặt màu nền của menu(màu xanh:blue hay đen:black).

4. CONTROL.

- ✚ **TILT** : chức năng này dùng để cài đặt cho chế độ nâng hoặc hạ máy đến một góc phù hợp để chiếu. Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng sang phải (→) và sang trái(←).
- ✚ **V KEYTONE** : chức năng này dùng để cài đặt cho chế độ chỉnh vuông hình (chỉnh từ hình thang về hình vuông).Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng sang phải (→) và sang trái(←).
- ✚ **SIDE SHOT** : chức năng này dùng để cài đặt cho chế độ xoay hình khi hình bị chéo lên hay chéo xuống. Hiệu chỉnh bằng cách sử dụng sang phải (→) và sang trái(←).
- ✚ **IMAGE FLIP** : chức năng này dùng để cài đặt cho chế độ chế độ chiếu lên màn (ngược chữ, ngược hình hay vừa ngược chữ vừa ngược hình).
- ✚ **BANKGROUND** : chức năng này dùng để cài đặt màu nền cho máy.
- ✚ **TEST PATTERN** : chức năng này mặc định là OFF.



LAMP MORE : chức năng này dùng để cài đặt cho chế độ đèn chiếu.



LENS CONTROL : chức năng này dùng để cài đặt cho chế độ điều khiển ống kính bật/on hay tắt/off.



DIRECT POWER ON : chức năng này mặc định là OFF.



HIGH ALTUDE MORE : chức năng này mặc định là OFF.



SUCURITY : chức năng này dùng để cài đặt password .

5. INFORMATION : chức năng này dùng để hiển thị các thông tin của máy.



VPL_CX86 SERIAL NO. 2002814 : chức năng này dùng để hiển thị số hiệu máy và số serial của máy.



LAMP TIMER : chức năng này dùng để hiển thị thời gian mà bóng đèn đã được sử dụng.

III. CÁC PHÍM ĐIỀU KHIỂN TRÊN BỘ ĐIỀU KHIỂN TỪ XA.



POWER : dùng để bật máy và tắt máy(chú ý : chỉ tắt nguồn tắt máy khi đèn chuyển từ tín hiệu xanh sang tín hiệu đỏ).Khi chưa bấm phím này thì đèn báo đỏ khi bấm đèn chuyển sang xanh .



FREEZE :dùng để làm đứng màn hình trong khi đó thiết bị đầu vào vẫn hoạt động bình thường.



INPUT : phím này dùng để chọn thiết bị đầu vào.Mỗi lần ấn là một lần chọn đầu vào.



D.ZOOM +/- :phím này dùng để phóng to một điểm bằng cách ấn phím này sẽ xuất hiện một vòng tròn sáng di chuyển vòng tròn sáng đến vị trí cần phóng to sau đó ấn ENTER.



RESET : chức năng này dùng để khôi phục định dạng ban đầu.



MENU : chức năng này dùng để hiện bảng menu trong máy.



←,↑,→,↓ các phím di chuyển dùng để di chuyển và điều chỉnh trong menu dùng để di chuyển và điều chỉnh các chức năng đã chọn.



D KEYSTONE : chức năng này dùng để chỉnh vuông hình(chỉnh khung hình từ hình thang thành hình chữ nhật).

IV. CHÚ Ý KHI SỬ DỤNG MÁY .

❖ Sau khi tắt máy không được rút điện ra ngay mà phải đợi cho đến khi đèn báo trên máy chuyển từ xanh sang đỏ va quạt ngừng chạy (máy và bóng đã được làm nguội) ta mới được rút điện ra.

❖ Khi máy đang hoạt động không được di chuyển máy sẽ làm ảnh hưởng đến bóng và quạt.

❖ Khi bật máy ta phải mở nắp chụp ống len phía trước.

❖ Khi đang chiếu muốn tạm thời tắt máy phải sử dụng nút SHUTTER chứ không được đóng nắp chụp khi muốn sử dụng thì phải bật lại nút này lại một lần nữa .

❖ Khi máy chưa nguội hẳn thì không được cho máy vào hộp đựng và hạn chế di chuyển.

V. CÀI ĐẶT PHẦN MỀM WIRELESS CHO MÁY CHIẾU PANASONIC.

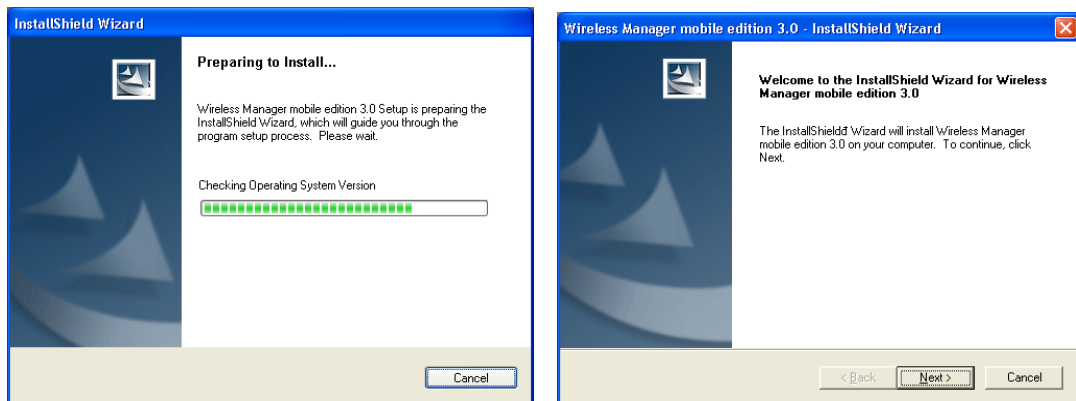
Trước khi cài đặt phần mềm Wireless Lan cho máy tính, ta phải chắc chắn rằng đã cắm các thiết bị hỗ trợ Wireless cho máy chiếu và máy tính (Nếu thiết bị không tích hợp sẵn).

Sau đó ta tiến hành cài đặt phần mềm Wireless cho máy tính theo các bước sau:

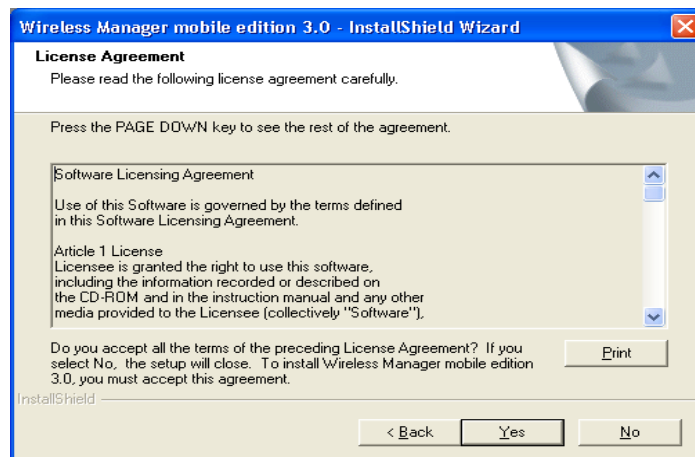
- 1- Cho đĩa cài đặt (đi theo hộp máy) vào ổ CD ROM.
- 2- Sau khi đóng khay đĩa, máy sẽ chạy Autorun(đây là chế độ cài đặt tự động nếu không ta nhấp đúp chuột vào ổ CD để chạy chương trình).



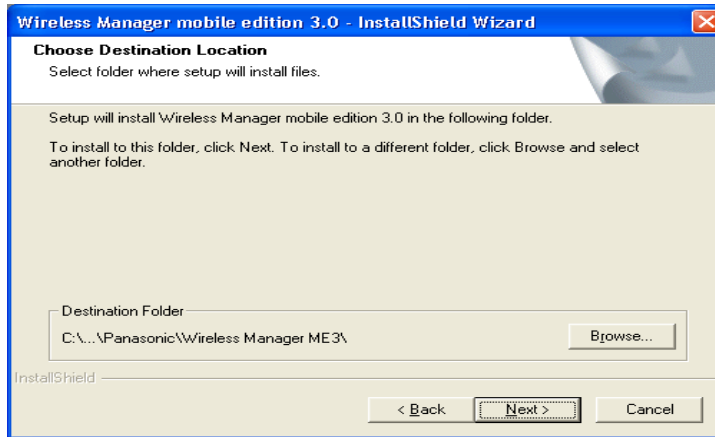
- 3- Chọn Wireless Manager ME 3.0 để tiến hành cài đặt.



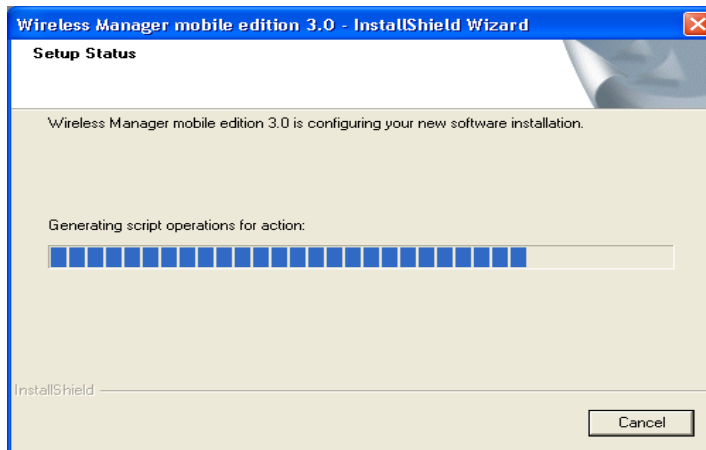
- 4- Click Next để cài đặt, màn hình hiển thị.



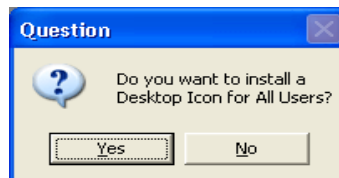
5- Click Yes, màn hình hiển thị.



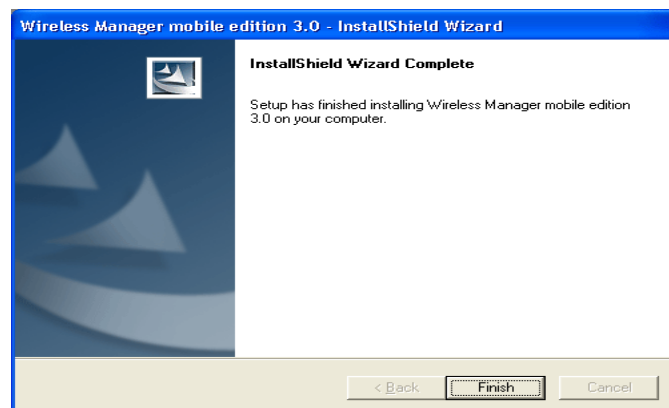
6- Click Next để cài đặt, màn hình hiển thị.



7- Chờ cài đặt cho máy .



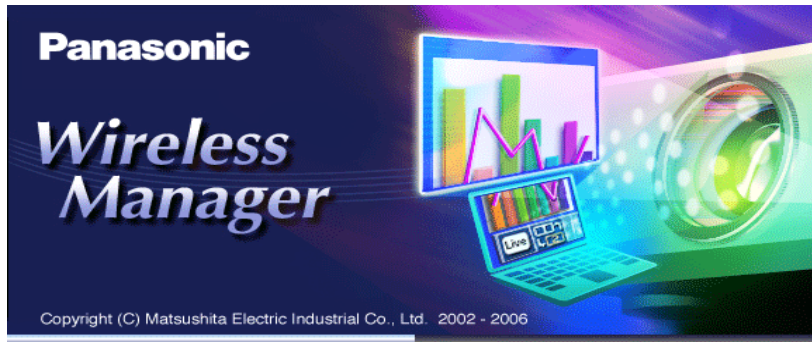
8- Click Yes để tất cả các tài khoản trong Window đều được sử dụng.



9- Click Finish để hoàn thành.

10- Bật máy chiếu, sau đó chạy chương trình Wireless Manager mobile edition 3.0.

11- Giao diện của chương trình sẽ như sau.



12- Chọn tên máy chiếu sau đó click connecttability.

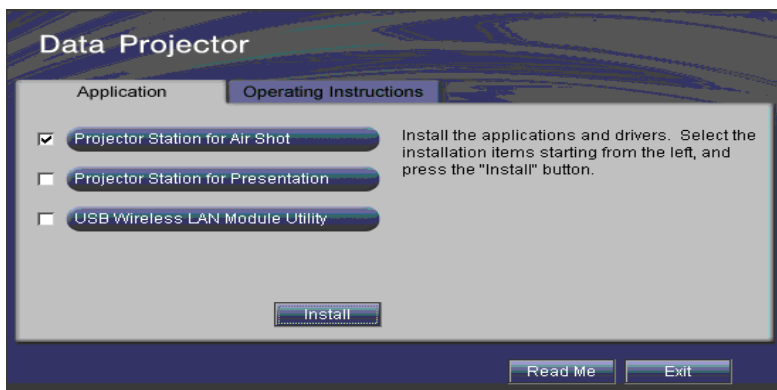
13- Đợi trong giây lát máy chiếu sẽ chuyển sang chế độ kết nối.

14- Kết thúc thao tác cài đặt.

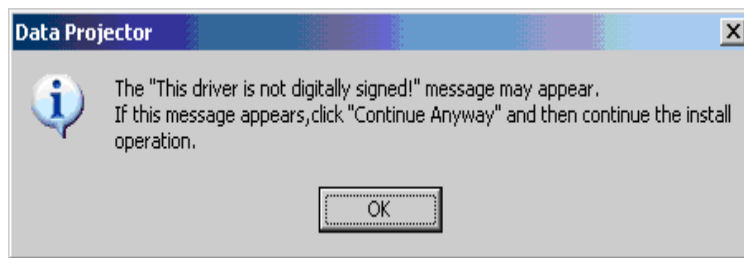
VI. CÀI ĐẶT WIRELESS SONY.

1- Cắm USB Wireless vào PC.

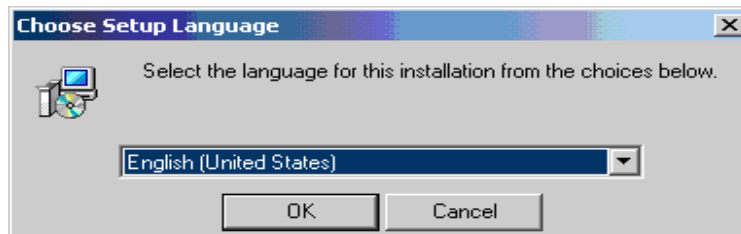
2- Đưa đĩa cài vào và chạy đĩa CD ở chế độ Auto, trên màn hình máy tính hiển thị.



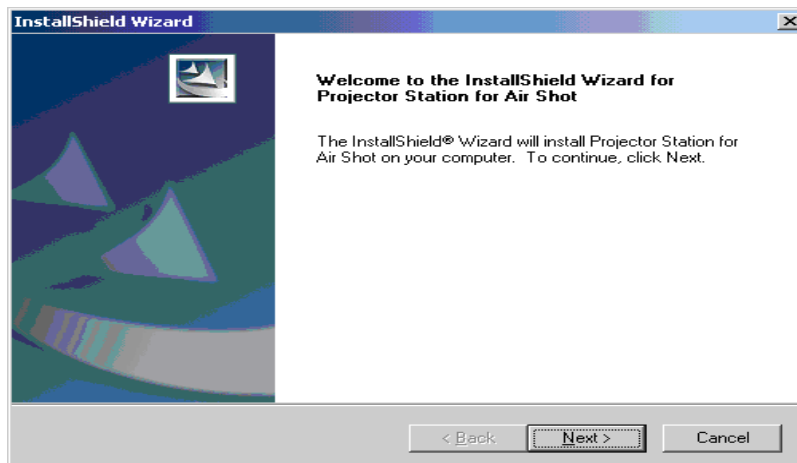
3- Click Install để cài đặt, màn hình hiển thị.



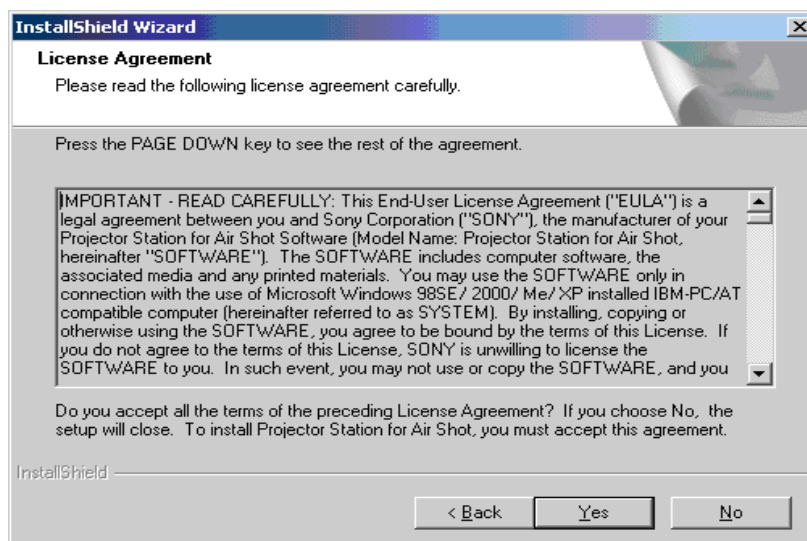
4- Click OK, màn hình hiển thị.



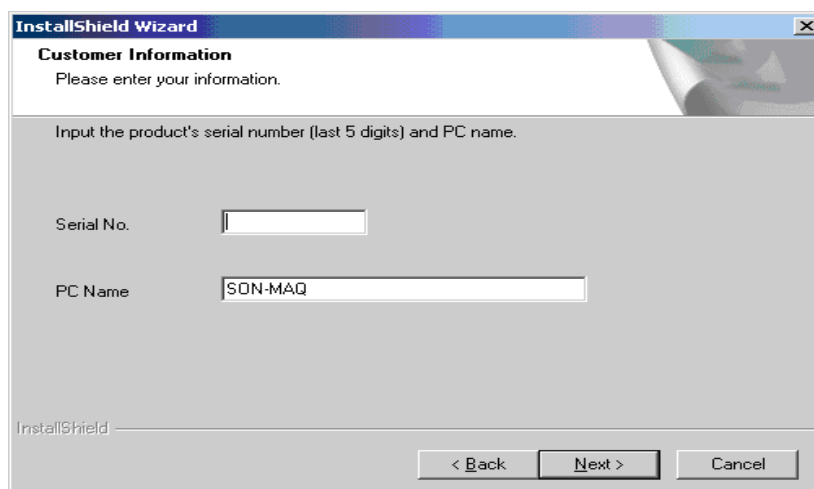
5- Chọn ngôn ngữ Tiếng Anh, OK.



6- Click Next.

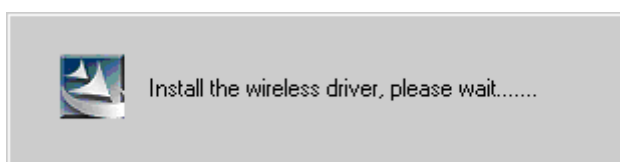


7- Click Yes.



8- Điền 5 số serial cuối cùng của máy chiếu và chọn Next.

9- Các bước tiếp theo chọn next cho đến khi màn hình hiển thị.



Chờ vài phút để máy tính nhận tín hiệu wireless.

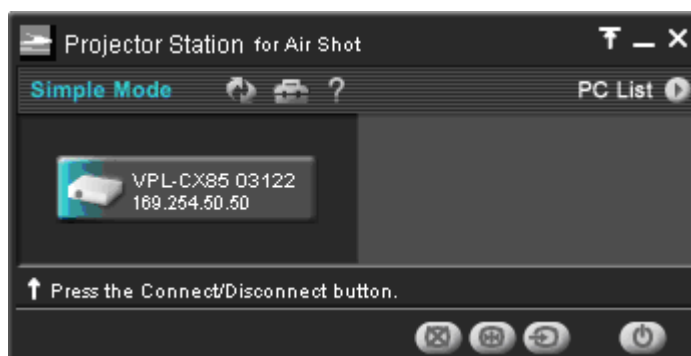
Lưu ý:

- Sau khi cài đặt xong, để chắc chắn nên rút USB wireless ra khỏi PC và cắm lại vì có thể xảy ra trường hợp PC vẫn chưa nhận driver.
- Chọn chế độ automatically và chọn Next.
- PC sẽ cài đặt nốt những file còn thiếu.

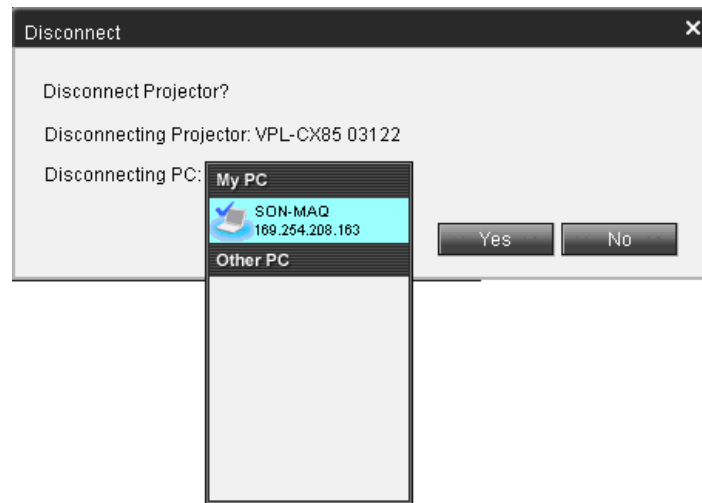
SỬ DỤNG

1- Bật máy chiếu và cắm wireless card theo sách hướng dẫn.

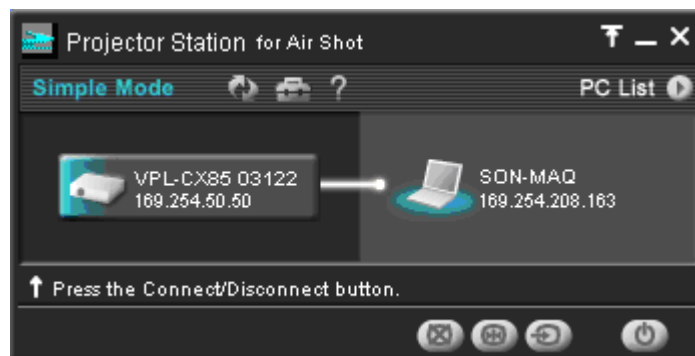
2- Việc cài đặt đã hoàn tất. Trên màn hình hiển thị icon **PS for Air Shot** click icon đó hoặc icon ở góc phải màn hình máy tính, màn hình hiển thị.



3-Click chuột trái vào biểu tượng máy chiếu.



4- Chọn Yes.....



Máy chiếu và máy tính đã kết nối. **Cài đặt hoàn tất.**

SỬ DỤNG MÁY PHOTOCOPY SHARP AR-M161/AR-M206



a. CHÚ Ý KHI SỬ DỤNG MÁY PHOTOCOPY KỸ THUẬT SỐ AR-M161/AR-M206

1. Không liên tục tắt máy & bật máy. Sau khi tắt máy, chờ 10-15 giây trước khi bật lại.
2. Máy phải tắt nguồn trước khi tháo lắp bất kỳ bộ phận nào.
3. Đặt máy trên mặt bằng vững chắc.
4. Không đặt máy ở nơi ẩm ướt và bụi bẩn.
5. Không đặt máy ở nơi có ánh sáng trực tiếp chiếu vào, hoặc nhiệt độ và độ ẩm thay đổi liên tục.
6. Đảm bảo xung quanh chỗ đặt máy có khoảng trống nhất định.
7. Khi máy không sử dụng nhiều ngày nên tắt nguồn điện.
8. Không để bụi phủ lên máy hoặc không dùng vải hay film nhựa phủ lên máy đang hoạt động làm cản trở sự tỏa nhiệt và gây hại cho máy.
9. Đặt máy gần ổ cắm điện để sử dụng dễ dàng.
10. Khi di chuyển máy từ nơi nhiệt độ thấp đến nơi nhiệt độ cao hơn có thể có sự ngưng tụ hơi nước ảnh hưởng đến máy, do đó cần để máy ở nơi này ít nhất 2 giờ trước khi sử dụng.
11. Đảm bảo điện áp sử dụng đúng yêu cầu. Chú ý nên dùng ổ cắm độc lập, không dùng chung với thiết bị khác.
12. Không đánh rơi máy, hoặc để bất kỳ vật gì bên ngoài rơi vào máy.
13. Giữ hộp mực ở nơi khô ráo, không lấy ra trước khi sử dụng.
14. Không chạm vào trống.

II. ĐẶC ĐIỂM MÁY PHOTOCOPY AR- M161/M206

MÁY PHOTOCOPY LASER TỐC ĐỘ CAO.

Bản chụp đầu tiên ở độ phân giải 300dpi chỉ có 7.2 giây

Tốc độ copy là 16/20 bản/phút.

HÌNH ẢNH CHẤT LƯỢNG CAO.

Tự động điều chỉnh độ sáng bản chụp 5 mức khác nhau với mỗi chế độ TEXT/PHOTO (chữ/hình ảnh).

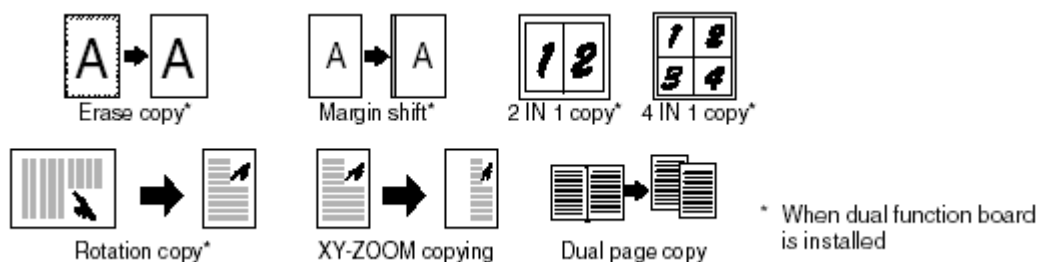
NHIỀU TÍNH NĂNG COPY KHÁC.

Độ phóng to thu nhỏ từ 25%-400% có thể tăng giảm từng 1%

Chụp liên tục 999 bản

Chương trình cài đặt riêng cho phép cài đặt chế độ sử dụng.

Dùng bộ phận in (AR-EB9) cho phép sử dụng nhiều chức năng copy khác.



SCAN ONE/PRINT MANY (SOPM).

Máy photocopy có thể scan bản gốc 1 lần và tạo ra 999 bản chụp.

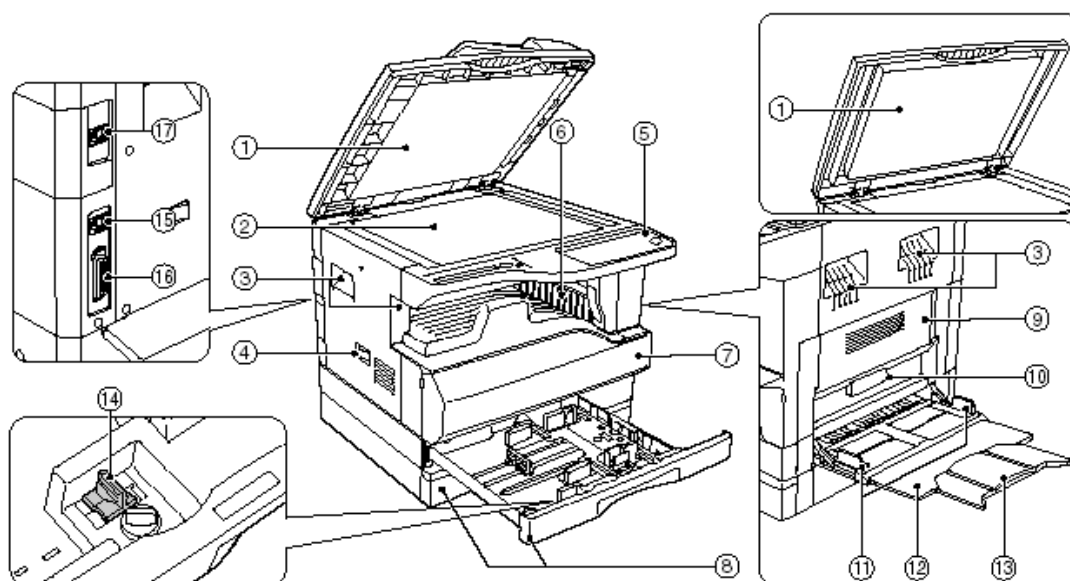
CHỨC NĂNG IN LASER.

CHỨC NĂNG SCAN.

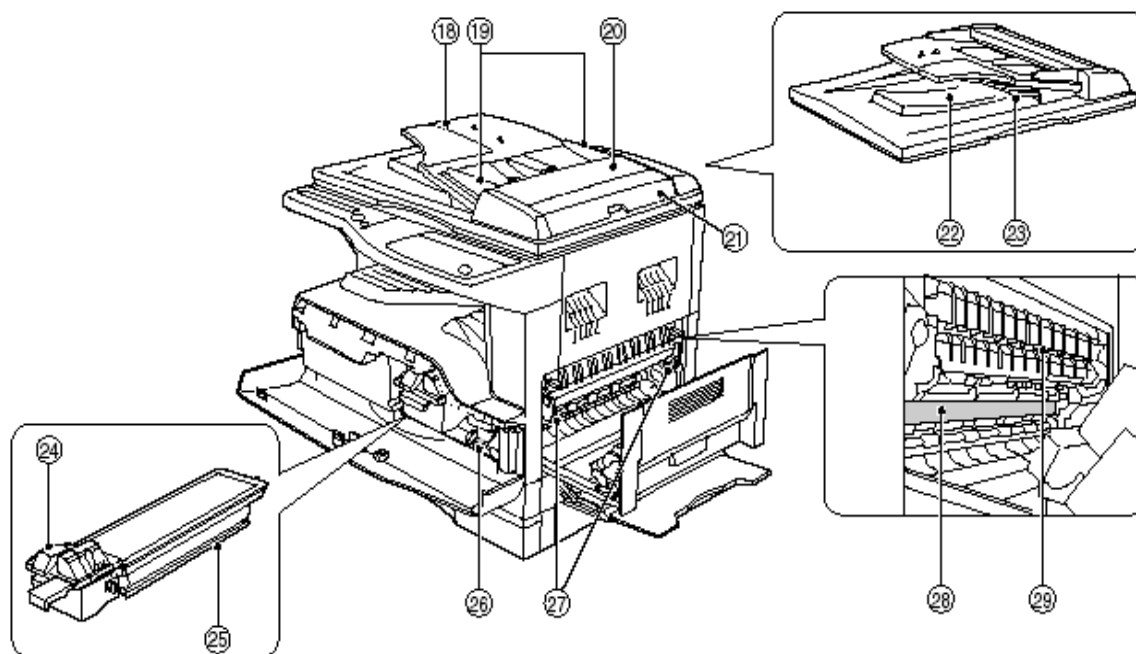
CÁC ĐẶC TÍNH KHÁC.

Chế độ PREHEAT và AUTO SHUT OFF tự động tắt khi không sử dụng.

III. TÊN CÁC BỘ PHẬN VÀ CHỨC NĂNG.



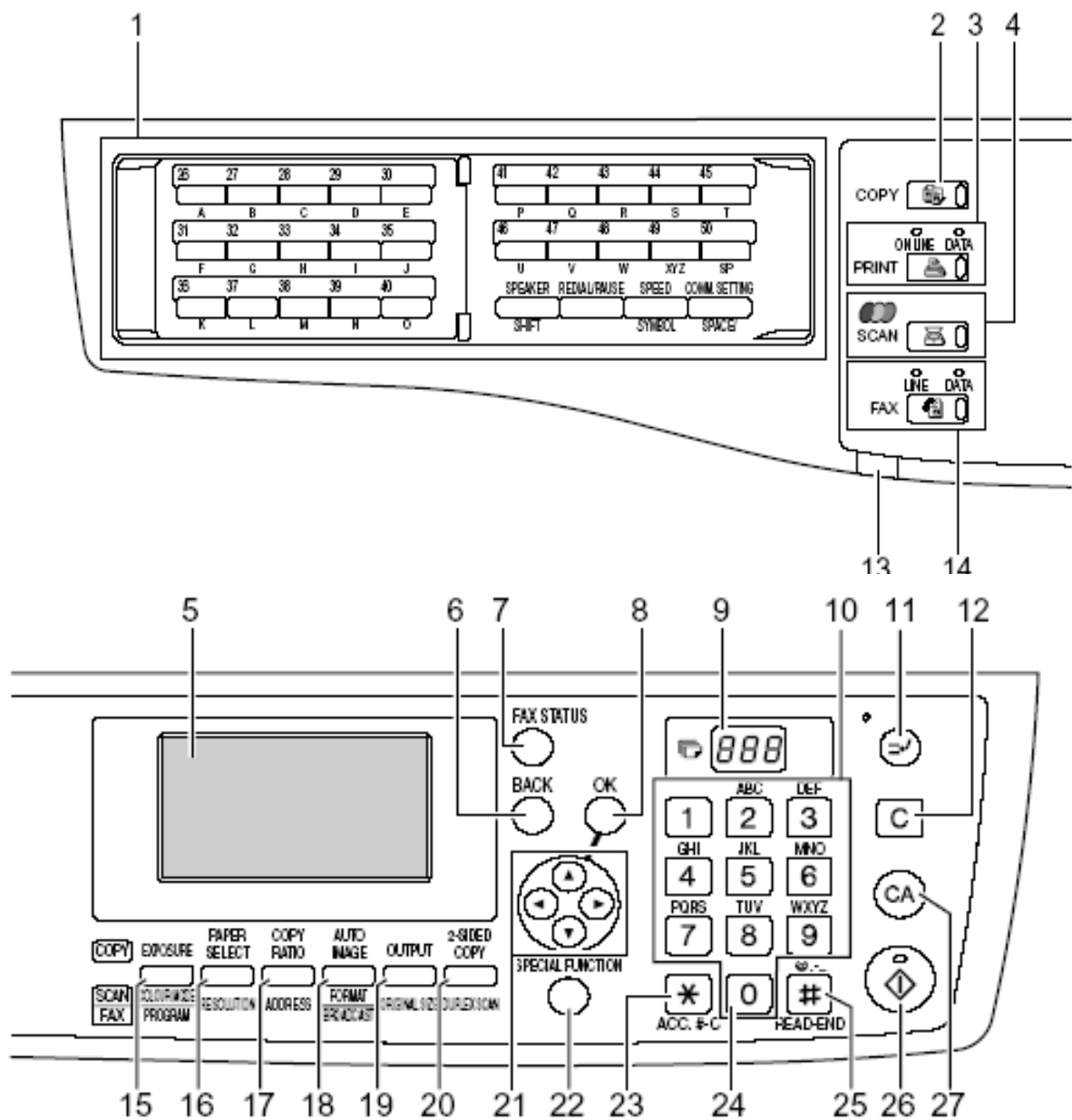
1. Nắp khay giấy (SPF/RSPF).
2. Kính đặt tài liệu.
3. Tay cầm (dùng khi muốn di chuyển máy).
4. Công tắc máy.
5. Bảng phím điều khiển.
6. Khay giấy ra.
7. Nắp trước
8. Khay giấy – Mỗi khay 250 tờ.
9. Nắp bên trái.
10. Tay cầm mở nắp bên trái.
11. Chốt chỉnh cỡ giấy khay tay
12. Khay nạp tay.
13. Khay nạp tay mở rộng.
14. Lau dây cao áp.
15. USB 1.1 – Kết nối với máy tính sử dụng chức năng SCAN.
16. Cổng Parallel.
17. Cổng USB 2.0 (khi lắp thêm AR-EB7).



18. Khay nạp bản gốc (SPF/RSPF).
19. Phần đế bản gốc.
20. Nắp nạp giấy dùng để mở ra lấy giấy kẹt khi đảo bản gốc (SPF/RSPF).
21. Nắp bên phải (SPF/RSPF) lấy giấy kẹt.

22. Khay giấy ra.
23. Khay đảo (SPF/RSPF).
24. Thanh đẩy khoá hộp mực.
25. Hộp mực.
26. Thanh đẩy ROLLER lấy giấy kẹt trong máy.
27. Bộ lô sấy.
28. Trống.
29. Bộ phận chỉnh hướng giấy lô sấy.

V. BẢNG ĐIỀU KHIỂN






1. Các phím sử dụng chức năng Fax (Khi nâng cấp thêm bộ phận Fax).
2. Phím hiển thị Copy.
3. Phím **ONLINE**/ đèn báo (📠).
4. Phím Scan/ đèn báo (📄).
5. **Màn hình LCD** hiển thị tình thế lỏng hướng dẫn vận hành thao tác và duy trì hoạt động vận hành của máy.
6. Phím **Back** (Nhấn phím này màn hình sẽ quay trở về bước trước đó.).
7. Phím {**Fax Status**} (khi bộ phận nâng cấp Fax được nâng cấp.
8. Phím **OK** (Nhấn phím này để kiểm tra chế độ cài đặt đã lựa chọn hoặc nhập dữ liệu).
9. Màn hình hiển thị Hiển thị số bản chụp, chiều bản chụp, các chức năng cài đặt hoặc mã cài đặt
10. Phím số trên bàn phím.
11. Phím tạm dừng copy (⏸).
12. Phím xóa (🗑).
13. Phím Line Status khi sử dụng và lắp thêm bộ phận FAX.
14. Đèn báo tín hiệu Fax khi lắp thêm bộ phận Fax.
15. Phím hiển thị sắc độ mực (**exposure**) Sử dụng phím này để điều chỉnh sắc độ mực ở các chế độ: Auto, text, text/photo, photo.
16. Phím lựa chọn giấy (**paper select**) Dùng để lựa chọn khay giấy.
17. Phím hiển thị tỉ lệ copy (**copy ratio**) Nhấn phím này để chọn tỉ lệ phóng to thu nhỏ.
18. Phím hiển thị chế độ copy tự động (auto image) Nhấn phím này để tự động lựa chọn chế độ tỉ lệ copy tự động.
19. Phím Output Nhấn phím này để lựa chọn chế độ phân trang, không phân trang, hoặc phân trang dập ghim. (Chế độ phân trang dập ghim chỉ sử dụng được khi cài đặt phụ kiện nâng cấp).
20. Copy 2 mặt (2-sided copy) Nhấn phím này để lựa chọn các chế độ copy: 1 mặt sang 1 mặt, 1 mặt sang 2 mặt, 2 mặt sang 2 mặt hoặc 2 mặt sang 1 mặt (Chế độ này chỉ sử dụng được khi cài đặt khay nạp và đảo bản gốc tự động).
21. Phím ARROW Nhấn phím này để di chuyển điểm sáng.
22. Phím (special function) hiển thị chức năng đặc biệt. (Nhấn để chọn các chức năng đặc biệt khác.).
23. Phím xóa (ACC#C) Dùng để xóa các chương trình làm việc của máy đã cài đặt để về trạng thái ban đầu.
24. Phím 0 Dùng như một phần của phím số để nhập số lượng cần copy.
25. Phím P/ READ –END.
Nhấn để chọn chế độ nhớ.

Nhấn để kết thúc scan bản gốc và bắt đầu copy khi máy đang ở chế độ copy phân trang, không phân trang hoặc phân trang dập ghim.

26. Phím START/ đèn báo ().

27. Phím xóa CLEAR ALL ().


Một số biểu tượng khi chọn chức năng đặc biệt Special function.


	Copy 2 tờ 1 mặt vào 1 tờ 2 mặt
	Copy 1 tờ 2 mặt vào 1 tờ 2 mặt
	Copy 1 tờ 2 mặt vào 2 tờ 1 mặt

28.XY ZOOM/ đèn báo ().

29.Phím chọn phân trang/phân nhóm ().

30.Phím thông báo dữ liệu Scan () (nhấp nháy khi bộ nhớ đầy dữ liệu).

31.Phím chức năng 2 in 1/4 in1/ đèn báo ().

32. Phím chọn xoá lề/ đèn báo ().

Phím dịch lề/ đèn báo ().

VI. KHỞI ĐỘNG MÁY VÀ CÁCH NẠP GIẤY.

i. KHỞI ĐỘNG MÁY.

Bật công tắc nguồn “ON”. Trong khi khởi động đèn báo POWER SAVE, đèn báo sẽ tắt khi máy khởi động xong và sẵn sàng copy. Tuy nhiên có thể cài đặt và nhấn START khi đang khởi động, máy sẽ bắt đầu copy sau khi khởi động.

ii. CÁCH NẠP GIẤY.

Khay giấy	Loại giấy	Cỡ giấy	Chú ý
Khay dưới	Giấy thường	A5-A3	Nạp dưới đường vạch trong khay
Khay tay	Giấy thường, giấy film, nhãn, bì	A6-A3	Nạp từng tờ

Những điểm cần chú ý khi dùng khay tay:

- ✓ Có thể nạp 100 tờ.
- ✓ Giấy cỡ A5, A6 phải đặt ngang và phẳng, đặt thẳng.
- ✓ Khi nạp giấy phải rút hết các tờ giấy còn lại trong khay và nạp lại giấy.
- ✓ Không dùng giấy nhỏ hơn bản gốc, không dùng giấy đã in bằng máy in laser hoặc giấy FAX.

iii. ĐẶT CỠ GIẤY TRONG MỘT KHAY

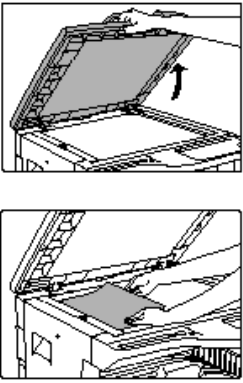
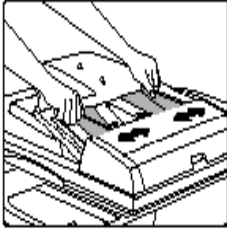
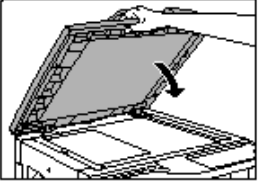
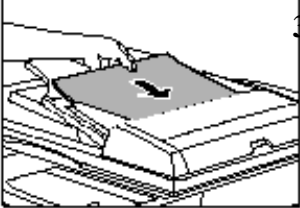

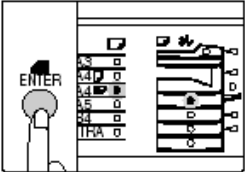
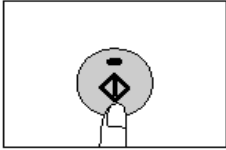
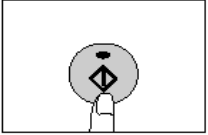
Những điểm cần chú ý:

- ✓ Cỡ giấy không thay đổi khi máy ngừng tạm thời do hết giấy, hoặc việc copy bị ngắt quãng.


- ✓ Trong khi đang in.
- ✓ Cỡ giấy chỉ được chọn ở khay trên.
- ✓ Không nạp giấy khác cỡ với giấy đã chọn.
 1. Giữ phím (↵) 5 giây để chọn cỡ giấy.
 2. Dùng phím (⊞) để chọn khay giấy.
 3. Dùng phím ENTER chọn cỡ bản gốc (đèn báo nháy ở cỡ giấy đã chọn)
 4. Nhấn START sau đó ENTER và thoát ra.

VII. CHỨC NĂNG COPY

1. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN:



COPY THÔNG THƯỜNG	SỬ DỤNG SPF/RSPF
<p>Đặt bản gốc cần copy vào.</p> 	<p>Phải đảm bảo không còn tài liệu nào trên kính photo.</p> <p>Kéo chốt chỉnh cỡ giấy bản gốc.</p> 
<p>Đóng nắp copy.</p> 	<p>3. Đặt tài liệu trên khay (mặt có chữ đặt ngửa lên).</p> 
<p>Nhấn  để chọn cỡ bản gốc.</p> 	<p>Chọn số bản chụp và nhấn START để bắt đầu copy.</p> 
<p>Chọn số bản chụp và nhấn START để bắt đầu copy.</p> 	

Những điểm cần lưu ý:

- ✓ Khi chọn cỡ bản gốc, khay có cùng cỡ giấy cũng được chọn tự động.
- ✓ Nếu đèn báo cỡ giấy không sáng tức là không có khay giấy nào cùng cỡ giấy với bản gốc. Nạp cỡ giấy đúng yêu cầu vào khay hoặc chọn khay tay, nhấn phím chọn khay () và copy từ khay tay.
- ✓ Đối với SPF/RSPF không dùng các loại giấy làm bản gốc như giấy trong, giấy can, giấy mờ, giấy than, giấy nhiệt, giấy bị cong, nhăn, gấp nếp, giấy có đục lỗ....

2. ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ĐẬM NHẠT BẢN CHỤP

Các bước thực hiện:

1. Chọn phím EXPOSURE.
2. Chọn chế độ AUTO (Tự động) TEXT(chữ), TEXT/PHOTO (chữ/hình ảnh), thích hợp với bản gốc bằng các phím mũi tên bốn chiều.
3. Điều chỉnh độ sáng bản chụp bằng phím (): đậm hơn, (): nhạt hơn).

Chú ý: 1-2 : độ đậm chữ như trong tờ báo hoặc tạp chí.

3 : độ đậm thông thường.

4-5 : chữ màu sáng hoặc bản viết tay bằng bút chì.

4. Chọn phím OK.
5. Kiểm tra cỡ giấy trong khay, chọn số bản chụp và nhấn OK.

3. TỰ ĐỘNG CHUYỂN KHAY.

- ✓ Lựa chọn khay bằng cách ấn vào Phím **PAPER SELECT** để chọn khay giấy phù hợp cho công việc sao chụp.
- ✓ Tự động chuyển khay, nếu trong khi đang copy khay hết giấy mà có một khay khác có giấy cùng cỡ, cùng chiều với bản gốc, máy sẽ tự động chuyển sang khay đó.

4. TĂNG, GIẢM TỈ LỆ PHÓNG TO THU NHỎ.

PHÓNG TO, THU NHỎ BẢN CHỤP.

Có 3 cách thực hiện phóng to, thu nhỏ bản chụp:



1. Chọn tỉ lệ bản chụp tự động theo cỡ giấy.....AUTO RATIO SELECTION.
2. Chọn tỉ lệ bằng các phím tăng, giảm, đặt tỉ lệ....MANUAL RATIO SELECTION.
3. Chọn các tỉ lệ độc lập theo 2 trục XY (trục ngang, trục dọc).....XY ZOOM.

Chọn kiểu bản chụp gốc.	Vị trí đặt bản gốc	Tỉ lệ phóng to, thu nhỏ
Các kiểu bản gốc trừ khi chọn kiểu hình ảnh nét (PHOTO).	Kính đặt tài liệu	25% - 400%
	RSPF	50% - 200%
Hình ảnh nét(PHOTO).	Kính đặt tài liệu	50% - 200%
	RSPF	50% - 141%

Cách 1:





1. Đặt bản gốc vào.
2. Chọn khổ giấy thích hợp, nhấn phím PAPER SELECT.
3. Chọn AUTO IMAGE, tỉ lệ bản chụp phù hợp sẽ tự động được chọn theo cỡ giấy bản gốc và cỡ giấy trong khay đã chọn.
4. Chọn số bản chụp và nhấn START.

Cách 2:

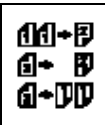

1. Đặt bản gốc vào.
2. Chọn COPY RATIO (tỉ lệ phóng to, thu nhỏ bản chụp).
3. Sử dụng phím MENU để chọn tỉ lệ bản chụp ở MENU 1 hoặc MENU 2.
4. Dùng các phím tăng, giảm hoặc ZOOM (, ) đặt tỉ lệ bản chụp. Nhấn OK.
5. Chọn cỡ giấy phù hợp, nhấn PAPER SELECT.
6. Chọn số bản chụp và nhấn phím START.

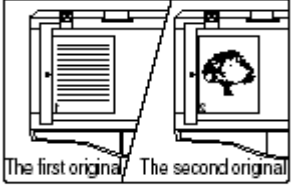
Để quay lại tỉ lệ 100%, chọn COPY RATIO, sau đó nhấn phím START.

Cách 3:

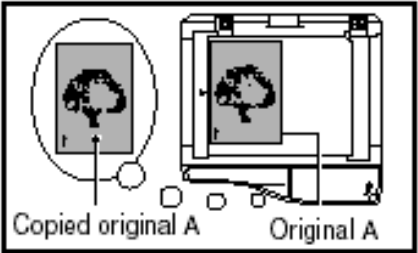
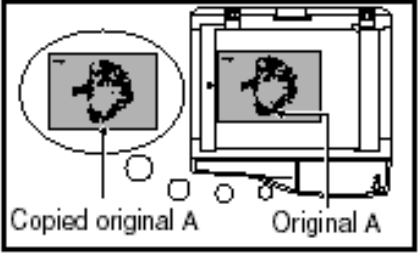
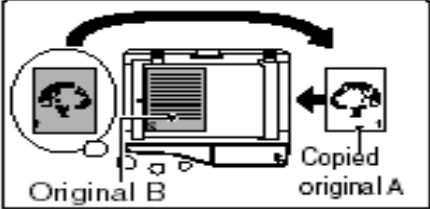
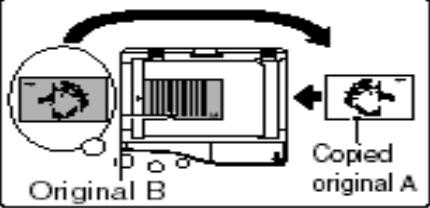
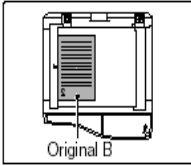
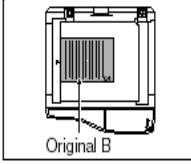
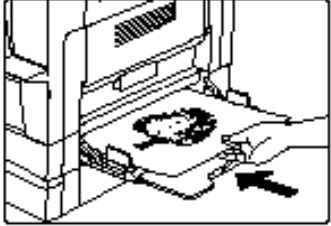
1. Đặt bản gốc vào.
2. Chọn COPY RATIO.
3. Chọn phím XY ZOOM.
4. Dùng phím X để chọn tỉ lệ theo trục X (trục ngang).
5. Dùng phím tăng, giảm để đặt tỉ lệ (, ).
6. Chọn phím Y để đặt tỉ lệ theo trục Y (trục dọc).
7. Dùng phím tăng, giảm để đặt tỉ lệ (, ). Nếu muốn đặt lại tỉ lệ ở trục X có thể nhấn lại phím X để chọn lại.
8. Chọn phím OK.
9. Chọn khổ giấy thích hợp.
10. Chọn số bản chụp và nhấn OK.

5. COPY 2 MẶT .

Thông thường	SPF/RSPF
<p>1. Đặt bản gốc bằng cách nâng nắp</p>	<p>1. Đặt bản gốc vào khay</p>
<p>1. Nhấn phím 2 – SIDED COPY</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">  <p>Copy 1 tờ 2 mặt vào 2 tờ 1 mặt.</p> </div>	<p>2. Nhấn phím 2 – SIDED COPY sau đó dùng phím mũi tên bốn chiều để lựa chọn</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;">  <p>Copy 1 tờ 1 mặt vào 1 tờ 2 mặt Copy 1 tờ 2 mặt vào 2 tờ 2 mặt Copy 2 tờ 2 mặt vào 2 tờ 2 mặt</p> </div>


<p>3. Chọn bằng cách ấn phím OK.</p>	<p>3. Chọn bằng cách ấn phím OK.</p>
<p>Khi phím START sáng, bỏ bản gốc thứ nhất ra, đặt lật mặt bản gốc vào và nhấn START.</p> 	<p>4. Chọn số bản chụp và nhấn START.</p>

6. COPY 2 MẶT DÙNG KHAY TAY.

<p>1. Chụp bản gốc mặt A.</p>  	<p>3. Đảo bản chụp lại, giữ cho chiều và hướng giấy giống như bản gốc (mặt đã copy đặt giữa) rồi đưa vào khay tay.</p>  
<p>2. Đặt mặt B bản gốc như hình vẽ</p> <p><i>Nếu bản gốc đặt theo chiều dọc thì đặt cùng hướng bản gốc A</i></p>  <p><i>Nếu bản gốc đặt theo chiều ngang thì đặt theo hướng thứ tự từ trái qua phải.</i></p> 	<p>4. Chọn khay tay và nhấn phím START</p> 


7. CHỤP TRANG ĐÔI

Những điểm cần chú ý:

- ✓ Dùng khổ giấy A4 (nếu dùng AR-EB9 có thể dùng A4R), chọn phím chụp trang đôi ().
- ✓ Không chụp trang đôi khi sử dụng các chức năng phóng to thu nhỏ, 2 in1/4 in 1, xoá lề/ trung tâm.
- ✓ Khi chụp trang đôi sử dụng cùng XY ZOOM, không sử dụng được chức năng phóng to, thu nhỏ.
- ✓ Không sử dụng khi bản gốc đặt trong khay SPF/RSPF.
- ✓ Khi chụp trang đôi không sử dụng được chức năng tự động chọn tỉ lệ bản chụp.

VIII. CHỨC NĂNG IN.


Các bước thực hiện:

1. Nạp giấy, giấy trong khay phải cùng cỡ giấy chọn trong phần mềm in. Nên dùng bộ phận in AR-EB9 khi sử dụng giấy cỡ A4R.
2. Nhấn phím ONLINE () để bắt đầu in.
3. Mở file cần in và chọn lệnh in.
4. Chọn các chế độ in.
5. Chọn “Print” hoặc “OK” để in.

Có thể nhấn phím ONLINE để tạm ngừng in, để huỷ bỏ lệnh in nhấn phím xoá CLEAR hoặc CLEAR ALL, để tiếp tục in nhấn lại phím ONLINE.

IX. CHỨC NĂNG SCAN.

Chú ý không sử dụng chức năng Scan trong những trường hợp sau:

- ✓ Có giấy kẹt trong máy.
- ✓ Đang sử dụng chương trình cài đặt riêng.
- ✓ Đang sử dụng chức năng tự động điều chỉnh độ sáng bản chụp.
- ✓ Đang ở chế độ tiết kiệm mực.
- ✓ Đang ở chế độ copy.
- ✓ Đang mở nắp trước và nắp bên của máy.
- ✓ Chức năng này sử dụng phím Scan () . Khi bắt đầu Scan, phần mềm điều khiển các phím Scan tự khởi động và hình ảnh Scan sẽ được chuyển vào phần mềm này.

Các bước thực hiện:

1. Nhấn phím Scan, khi đèn báo Scan sáng, máy sẽ bắt đầu để Scan. Một trong các màn hình hiển thị báo vị trí cổng kết nối với máy tính.
Nếu cả hai cổng USB 1.1 và 2.0 đều đang được kết nối, nhấn phím Scan một hay nhiều lần để chọn cổng theo ý muốn, theo thứ tự chọn là “U-2”, “U-1”, “Scan mode off”.
2. Đặt bản gốc vào khay.

3. Nhấn phím trên Scan Menu để bắt đầu Scan. Màn hình sẽ hiện số của phím Scan đã chọn và đèn báo nháy.

Để quay lại chế độ copy, nhấn phím Scan hoặc CLEAR ALL.

Scan từ máy tính.

Máy hỗ trợ TWAIN để scan từ TWAIN- compliant và cũng có thể hỗ trợ WIA (Windows Image Acquisition) để scan từ Scan & Camera Wizard trong Windows XP.

X. MỘT VÀI CHỨC NĂNG KHÔNG SỬ DỤNG ĐƯỢC KHI MÁY ĐANG Ở CHẾ ĐỘ COPY, IN, SCAN.

Modes		Copying	Printing	Scanning from a computer	Scanning from the machine
Copy	Copy key input	Yes	Yes	Yes	No
	During copying	Yes* ¹	No* ²	No	No
Printer	During printing	Yes* ³	No	Yes* ⁴	Yes* ⁴
Scanner	During scan preview/ during scanning	No	No* ⁵	No	No

*1. Có thể sử dụng được khi nhấn phím tạm ngừng.






*2. Có thể bắt đầu in khi chọn CLEAR ALL và sau khi copy.

*3. In tạm ngừng và bắt đầu copy.

*4. Scan vào bộ nhớ và bắt đầu scan khi kết thúc in.

*5. Lưu lệnh in trong máy tính và bắt đầu in khi kết thúc scan.

Một số thông tin cần thiết cho khách hàng sử dụng máy AR – M206/M161.

- [] Báo cần bảo dưỡng yêu cầu liên hệ với Trung tâm bảo hành **SHARP**
- [] Biểu tượng báo yêu cầu thay mực (**Toner cartridge replacement required**)
- [] Biểu tượng báo thay từ (**Developer replacement required icon**)
- [] Báo hết giấy (**Out of paper**)
- [] Báo tắc giấy (**Clear paper path**)

Để kiểm tra số bản chụp và lượng mực ấn và giữ phím biểu tượng **COPY**.

1. **Ready to copy** – Sẵn sàng cho công việc sao chụp.
2. **Special Function** – Các chức năng chung.
3. **Special Modes** – Các chức năng đặc biệt.
4. **Orig. size set** - Đặt khổ bản gốc .
5. **Display contrast** – Hiển thị độ tương phản.
6. **Margin shift** – Rời lề.
7. **Erase** – Xoá viền.
8. **Dual Page copy** – Chụp trang đôi.

TES 824